



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Thời gian: Thứ Tư, ngày 06 tháng 5 năm 2026.

Địa điểm: Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng, thị trấn Tỉnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Chủ tọa Đại hội: Ông Lý Xuân Tuyên – Chủ tịch HĐQT Công ty.

TT	Nội dung	Thực hiện
1	Tiếp đón Đại biểu và Cổ đông	Ban tổ chức
2	Đăng ký và kiểm tra thông tin cổ đông	Ban kiểm tra thông tin CD
3	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ban tổ chức
4	Báo cáo kết quả kiểm tra thông tin cổ đông tham dự Đại hội	Ban kiểm tra thông tin CD
	Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội	Ban tổ chức
5	Giới thiệu và mời Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa	Ban tổ chức
6	- Giới thiệu và thông qua Ban thư ký - Giới thiệu và thông qua Ban kiểm phiếu	Đoàn chủ tọa Đại hội
7	Thông qua chương trình Đại hội	Đoàn chủ tọa Đại hội
8	Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 và Kế hoạch SXKD năm 2026	Đoàn chủ tọa Đại hội
9	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 - Phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2026	Đoàn chủ tọa Đại hội
10	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2025 - Kế hoạch hoạt động năm 2026	Ban kiểm soát
11	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026	Ban kiểm soát
12	Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán	KTT
13	Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2025	KTT
14	Tờ trình về việc thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2026	KTT
15	Tờ trình về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty	Đoàn chủ tọa Đại hội
16	Tờ trình về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty	Đoàn chủ tọa Đại hội

TT	Nội dung	Thực hiện
17	Tờ trình về việc thông qua Phương án sắp xếp lại mô hình Xí nghiệp Chè đắng và Thương mại - Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng	Đoàn chủ tọa Đại hội
18	Tờ trình thông qua danh sách nhân sự bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	Đoàn chủ tọa Đại hội
19	- Trình bày, thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027. - ĐH tiến hành bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	Ban kiểm phiếu
20	Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung các báo cáo và tờ trình	Đoàn chủ tọa Đại hội
21	Đại hội nghỉ giải lao	
22	HĐQT tiến hành họp bầu chức danh Chủ tịch HĐQT	
23	Công bố biên bản kiểm phiếu biểu quyết các nội dung của Đại hội	Ban kiểm phiếu
24	Công bố nghị quyết của HĐQT về bầu chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	Đoàn chủ tọa Đại hội
25	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Thư ký Đại hội
26	Bế mạc Đại hội	Ban tổ chức
27	Chào cờ kết thúc Đại hội	Ban tổ chức

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và thể lệ biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.
3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung được quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty.

**Chương II
ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐHĐCĐ,
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ ĐHĐCĐ**

Điều 3. Điều kiện tham dự ĐHĐCĐ

Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 09/4/2026 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) xác nhận.

Điều 4. Quyền của cổ đông và người được đại diện theo ủy quyền khi tham dự ĐHĐCĐ

Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

1. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền thì ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ, người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

Trường hợp cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện.

3. Được Ban tổ chức thông báo công khai nội dung chương trình ĐHĐCĐ.

4. Phát biểu, thảo luận và biểu quyết tất cả các nội dung trong chương trình ĐHĐCĐ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Tại ĐHĐCĐ, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự ĐHĐCĐ được nhận Thẻ biểu quyết (trong đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số cổ phần có quyền biểu quyết) của cổ đông đó sau khi đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

6. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại ĐHĐCĐ.

7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại ĐHĐCĐ. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký, trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ mang theo các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng minh thư nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực.

b) Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm theo Thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Trường hợp được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ: nếu cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó; nếu cổ đông là pháp nhân/ tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

c) Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự ĐHĐCĐ không nhận Thẻ biểu quyết tại ĐHĐCĐ nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận Thẻ biểu quyết.

3. Người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra ĐHĐCĐ, cổ đông/đại diện của cổ đông phải tuân thủ theo hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của ĐHĐCĐ, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định của Điều lệ Công ty.

6. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như là “không có ý kiến” với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ sau đó. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết, nhưng đã thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó được coi là không tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6. Chủ tọa Đại hội

1. Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa Đại hội.

2. Chủ tọa Đại hội có thể mời thêm thành viên HĐQT, Ban điều hành Công ty để cùng điều hành ĐHĐCĐ.

3. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm sau:

a) Chủ trì, điều khiển ĐHĐCĐ;

b) Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội;

c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d) Trả lời hoặc chỉ định thành viên Ban chủ tọa trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

đ) Làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung, dân chủ, điều hành Đại hội một cách hợp lệ, nghiêm túc và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền sau:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội;

c) Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác theo quy định tại Khoản 8 Điều 146, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thư ký Đại hội

1. Thư ký Đại hội gồm 02 thành viên do Chủ tọa đề cử để giúp việc ĐHĐCĐ và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Thư ký Đại hội có nhiệm vụ:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung của Đại hội.

b) Dự thảo kết luận và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu. Trình bày trước ĐHĐCĐ về biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.

c) Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu tối đa không quá 11(mười một) thành viên, gồm 01(một) Trưởng ban và các thành viên kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

a) Hướng dẫn cổ đông tham dự ĐHĐCĐ cách sử dụng thẻ biểu quyết. Thực hiện việc kiểm, đếm thẻ biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết.

b) Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại ĐHĐCĐ.

c) Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của ĐHĐCĐ.

d) Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

e) Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho Thư ký Đại hội.

f) Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm tra thông tin cổ đông

1. Ban kiểm tra thông tin cổ đông tối đa không quá 3 (ba) thành viên, gồm Trưởng ban và các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra thông tin cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự ĐHĐCĐ và khách mời xuất trình Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

c) Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra thông tin cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ (khi cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban tổ chức ĐHĐCĐ hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

2. Trường hợp người đến dự họp không đầy đủ tư cách tham dự ĐHĐCĐ thì Ban kiểm tra thông tin cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

Điều 10. Tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông đã chốt ngày 09/4/2026 do Tổng công Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam xác nhận. Ban kiểm tra thông tin cổ đông thông báo số lượng tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

2. Trường hợp ĐHĐCĐ không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 nói trên thì việc triệu tập và ĐHĐCĐ các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

2. Trình tự tổ chức Đại hội (*Xem chương trình Đại hội gửi kèm theo*)

3. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp, các thay đổi phải được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, đưa ra ý kiến chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào phiếu câu hỏi gửi cho Thư ký đại hội để chuyển tới Chủ tọa đại hội.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội thông qua. Chủ tọa Đại hội có quyền đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Chủ tọa phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết: Các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

2. Hình thức biểu quyết: Cổ đông biểu quyết từng nội dung theo chương trình Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết nội dung biểu quyết được quy định cụ thể tại chương trình đại hội.

a) Khi biểu quyết một nội dung được Đại hội đưa ra, các cổ đông biểu quyết như sau:

- Bằng hình thức giơ thẻ: Cổ đông giơ thẻ biểu quyết lên cao;

b) Đối với từng nội dung cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến theo trình tự: tán thành; không tán thành; không có ý kiến.

3. Trường hợp phiếu không hợp lệ: (i) phiếu không do Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng phát hành (không đóng dấu của Công ty) (ii) Phiếu không có chữ ký và không ghi đầy đủ họ tên của cổ đông/ người được ủy quyền (iii) phiếu bị tẩy xóa hoặc ghi thêm những nội dung khác không do Chủ tọa đại hội yêu cầu (iv) phiếu không được đánh dấu bất kỳ một (01) ô nào trong từng một nội dung biểu quyết hoặc đánh dấu nhiều hơn một (01) ô cần lấy ý kiến.

4. Điều kiện thông qua

- Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp pháp tham dự Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 14. Thẻ biểu quyết

1. Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban kiểm tra thông tin cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp việc cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

2. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ.

Điều 15. Bầu cử Thành viên HĐQT

1. Nguyên tắc bầu cử Hội đồng quản trị

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo hình thức công khai, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Phiếu bầu do Ban kiểm phiếu phát. Trên mỗi phiếu có ghi tên ứng viên được đề cử vào Hội đồng quản trị và được đóng dấu cơ quan treo trên góc phiếu bầu.

Khi được phát phiếu bầu, cổ đông/đại diện cổ đông phải kiểm tra lại tổng số cổ phần sở hữu mà họ đại diện (Tổng số phiếu biểu quyết mà họ đại diện) ghi trên các phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu.

Phiếu bầu cử được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên Phiếu bầu.

2. Tổ chức kiểm phiếu

Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại địa điểm họp Đại hội ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở thùng phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu không được sử dụng.

Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

Những phiếu sau đây được coi là không hợp lệ:

- Phiếu không do Ban kiểm phiếu phát.
- Ban tổ chức không chịu trách nhiệm những trường hợp cổ đông làm mất phiếu bầu hoặc viết sai trên phiếu bầu.
- Phiếu tẩy xóa hoặc ghi tên người ngoài ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

3. Nguyên tắc lựa chọn ứng cử viên trúng cử vào Hội đồng quản trị

Việc lựa chọn ứng cử viên trúng cử vào Hội đồng quản trị được căn cứ vào tổng số phiếu biểu quyết mà ứng cử viên nhận được.

4. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp, số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho ứng viên vào HĐQT.

Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 16. Biên bản họp Đại hội, dự thảo nghị quyết Đại hội

1. Biên bản họp Đại hội: Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký ghi vào biên bản họp Đại hội. Chủ tọa và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản họp ĐHĐCĐ.

2. Biên bản họp phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố trên website Công ty trong thời hạn 24 giờ và gửi tới các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bế mạc ĐHĐCĐ.

3. Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm tra thông tin cổ đông, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu và các tài liệu ghi nhận diễn biến, kết quả của ĐHĐCĐ phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản ĐHĐCĐ là cơ sở để đưa ra Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 17. Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ

Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu. Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp kết quả và đưa vào dự thảo Nghị quyết. Nghị quyết của ĐHĐCĐ gửi tới các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ bế mạc.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng bao gồm 04 chương, 18 điều. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.
2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này. Các cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.
3. ĐHĐCĐ quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lý Xuân Tuyên

Số: 270/BC-KSLK

Cao Bằng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

PHẦN I:
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2025

I. Đánh giá chung

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện của Sở ngành địa phương, sự chỉ đạo sát sao Tổng công ty Khoáng sản - TKV, HĐQT Công ty, sự ủng hộ của các cổ đông và sự đồng thuận, đoàn kết của tập thể người lao động trong toàn Công ty.

Tuy nhiên, trong năm 2025 SXKD của Công ty còn gặp nhiều khó khăn như:

- Điều kiện thời tiết trong năm có nhiều bất thường, bão số 10 và số 11 liên tiếp từ ngày 29/10-8/11 gây ra sạt lở, ngập lụt công trường, làm thiệt hại về tài sản. Các xưởng, nhà máy phải ngừng sản xuất nhiều ngày để khắc phục, chi phí khắc phục lớn (4,58 tỷ đồng).

- Công trường khai thác đều tận thu lại các bãi thải của mỏ thiếc Tĩnh Túc trước đây, hàm lượng thấp, không ổn định, sản lượng tinh quặng thiếc và thiếc thỏi giảm (sản lượng thiếc thỏi đạt 124/140 tấn, bằng 88% KHN).

- Bãi thải TLP hết hạn ngày 24/12/2025, Thời hạn còn lại của bãi thải khu Tây ngắn (hết hạn ngày 09/12/2026). Công tác xin gia hạn dự án, cấp phép khai thác gặp nhiều khó khăn, tiến độ chậm do sự thay đổi của Pháp luật và chuyển đổi mô hình quản lý các cấp tại địa phương, ảnh hưởng đến duy trì sản xuất liên tục, bố trí việc làm, đảm bảo thu nhập cho người lao động.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025

1. Các chỉ tiêu chính

Bảng 1: Tổng hợp các chỉ tiêu SXKD chính năm 2025

TT	NỘI DUNG	ĐVT	KH năm 2025 (NQ số 08 ngày 08/5/2025)	Thực hiện năm 2025	So sánh TH2025/ KH 2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
I	Sản phẩm chủ yếu				
1	Sản xuất				

TT	NỘI DUNG	ĐVT	KH năm 2025 (NQ số 08 ngày 08/5/2025)	Thực hiện năm 2025	So sánh TH2025/ KH 2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
1.1	Sản xuất bán thành phẩm				
-	Tính quặng thiếc 70% Sn	Tấn	208	185,13	89%
	Quy Thiếc thời 99,75% Sn	Tấn	140	123,98	88%
1.2	Sản phẩm sản xuất				
-	Thiếc thời 99,75% Sn	Tấn	142	117,48	83%
2	Tiêu thụ sản phẩm				
-	Thiếc thời 99,75% Sn	Tấn	142	117,48	83%
II	Doanh thu	Tr.đồng	123.219	137.023	111%
III	Lợi nhuận	Tr.đồng			
1	Lợi nhuận trước thuế	"	13.242	13.523	102%
2	Lợi nhuận sau thuế	"	7.500	8.595	115%
IV	Tỷ lệ lợi nhuận/ Vốn CSH	%	8,08	9,00	111%
V	Nộp NSNN	Tr.đồng	27.337	25.099	92%
VI	Đầu tư xây dựng	Tr.đ	14.244	11.367	80%
VII	Lao động, tiền lương				
-	Lao động định mức	Người	180	176	98%
-	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	26.093	26.093	100%
-	Tiền lương bình quân	Tr.đồng/ ng/thg	12,08	12,35	102%

2. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025

2.1. Thực hiện các chỉ tiêu KTCN

2.1.1. Sản xuất thiếc và các sản phẩm đi kèm

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu KTCN:

Bảng 2: Các chỉ tiêu KTCN chính trong Khai thác - Tuyển khoáng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2025 (NQ số 08 ngày 08/5/2025)	Thực hiện năm 2025	So sánh TH2025/ KH2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
I	Chỉ tiêu CN khai thác				
1	Đất, đá bóc	m ³	50.195	140.311	280%
2	Hệ số bóc	m3/TnK	0,04	0,11	314%
3	Khối lượng đất quặng khai thác	Tấn	1.422.224	1.265.606	89%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2025 (NQ số 08 ngày 08/5/2025)	Thực hiện năm 2025	So sánh TH2025/ KH2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
4	Khối lượng xúc bốc	m ³	1.442.707	1.322.427	92%
5	Khối lượng vận tải	Tkm	1.499.043	1.292.959	86%
6	Cung độ vận chuyển trung bình	km	0,51	0,48	95%
II	Chỉ tiêu Công nghệ tuyển				
1	Tuyển thô				
1.1	Khối lượng đất quặng vào tuyển	Tấn	1.422.224	1.265.606	89%
-	Hàm lượng	%Sn	0,0135	0,0132	98%
1.2	Tinh quặng sau tuyển thô	Tấn	2.787	2.987	107%
1.3	Thực thu tuyển thô	%	80,00	80,64	101%
2	Tuyển tinh				
2.1	Tinh quặng vào tuyển tinh	Tấn	2.787	2.987	107%
-	Hàm lượng	%Sn	5,50	4,49	82%
2.2	Thực thu tuyển tinh	%	95,00	95,47	100%
3	Sản phẩm sản xuất chính				
-	Tinh quặng thiếc 70%Sn	Tấn	208,00	185,13	89%

- Nguyên nhân khối lượng, sản lượng tăng/giảm:

+ Khối lượng xúc bốc không đạt so với KHN do: Mùa khô đầu năm kéo dài, sản lượng điện tự sản xuất và nước phục vụ tuyển rửa không đủ để các tuyển hoạt động đạt công suất. Ngoài ra, phải ngừng sản xuất nhiều ngày do mưa bão số 10, số 11 (khu Tây dừng 12 ngày, TLP dừng 30 ngày).

+ Khối lượng bóc thải tăng do: Công trường bãi thải Khu Tây có nhiều biến động, các vị trí khai thác lẫn nhiều bùn đất, đá .. công tác xúc chọn lọc, vận chuyển bùn đất, đá thải tăng, làm tăng chi phí đầu vào trong sản xuất.

+ Khối lượng vận tải không đạt so với KHN do: Khối lượng khai thác giảm (nguyên nhân như đã nêu trên) và cung độ vận chuyển trung bình giảm so với KHN.

+ Khối lượng tuyển rửa không đạt so với KHN do: Điều kiện mùa khô và ảnh hưởng mưa bão như đã nêu trên. Ngoài ra, hàm lượng đầu vào giảm (đạt 98% KHN), nên sản lượng tinh quặng thiếc 70% Sn không đạt so với KHN.

2.1.2. Công tác luyện kim, phát điện năng

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu KTCN:

Bảng 3: Các chỉ tiêu KTCN chính

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2025 (NQ số 08 ngày 08/5/2025)	Thực hiện năm 2025	So sánh TH2025/ KH2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
I	Sản xuất thủy điện	tr.kwh	6,90	5,40	78%
II	Luyện kim				
1	Luyện thiếc thời (Thuê ngoài)	Tấn			
1.1	Các chỉ tiêu đầu vào		142,00	117,48	83%
a	Tinh quặng thiếc đi luyện	Tấn	210,76	175,21	83%
-	Hàm lượng	%Sn	70,00	69,21	99%
b	Thực thu	%	96,00	96,50	101%
1.2	Sản lượng	tấn	142,00	117,48	83%
-	Hàm lượng	%Sn	99,75	99,75	100%
2	Luyện ferro silic 45	Tấn			
2.1	Sản lượng	Tấn	600	351	59%
-	Hàm lượng	%Si	45	45	100%
2.1	Thực thu	%	85	81	95%

- Nguyên nhân khối lượng, sản lượng giảm:

+ Nguyên nhân sản lượng điện không đạt so với KHN, do: Đầu năm, điều kiện thời tiết khô hạn kéo dài, các nhà máy thủy điện không có đủ lượng nước để phát dẫn; ngoài ra, do thiên tai mưa bão các nhà máy phải dừng sản xuất từ 10 - 30 ngày để sửa chữa khắc phục.

+ Nguyên nhân sản lượng thiếc thời 99,75%Sn không đạt so với KHN do: Sản lượng tinh quặng thiếc 70% Sn cả năm giảm (đạt 89% KHN) và chưa luyện hết phần tinh quặng thiếc sản xuất cuối năm (tồn kho 11,7 tấn tinh quặng tương đương 7,85 tấn thiếc thời).

+ Nguyên nhân sản lượng Ferosilic 45% không đạt so với KHN do: Đầu năm, lượng điện phát dẫn chỉ đủ duy trì sản xuất quặng thiếc, không đủ đáp ứng cho các lò luyện hoạt động. Đến tháng 7/2025 mới cân đối đủ điện để sản xuất và duy trì được 1/2 lò hoạt động trong năm (bằng 50% KHN).

2.2. Công tác cơ điện

2.2.1. Công tác sửa chữa lớn

Trong năm, đã thực hiện sửa chữa lớn máy xúc CAT 336, và máy Huynh Dai 330 để đáp ứng năng lực xúc bốc, giảm thuê ngoài.

Ngoài ra, trong cuối năm 2025 và đầu năm 2026, Công ty tiếp tục triển khai sửa chữa lớn 02 xe ô tô vận tải theo kế hoạch đề ra để đảm bảo năng lực vận tải. Công tác thực hiện chưa hoàn thiện nên giá trị được quyết toán và hạch toán trong năm 2026.

Giá trị thực hiện cả năm đạt 2.675/4.600 trđ, bằng 58% KHN.

2.2.2. Công tác sửa chữa thường xuyên, SCDX

Trong năm, Công ty thực hiện sửa chữa các thiết bị khai thác, vận tải để đảm bảo năng lực thiết bị và tự chủ động trong khai thác, vận chuyển đất quặng giảm khối lượng thuê ngoài (chỉ thực hiện thuê ngoài phần đất đá thải sau tuyển thô). Sửa chữa hệ thống phát dẫn điện năng tại các nhà máy thủy điện để đảm duy trì phát dẫn đủ lượng điện phục vụ sản xuất quặng thiếc và cân đối để sản xuất Ferro silic 45 (khí lượng điện dự thừa).

Tổng giá trị sửa chữa thường xuyên, SCDX cả năm đạt 3.534/4.337 tr.đ.

2.3. Công tác An toàn môi trường

Công ty thực hiện nghiêm túc về ATVSLĐ, PCCN, PCTT-TKCN, BVMT. theo đúng các quy định của Pháp luật và các văn bản triển khai của Vimico, Tập đoàn TKV và kiến nghị của các đoàn kiểm tra. Đã triển khai thực hiện kế hoạch ATLD, BVMT; thường xuyên kiểm tra các vị trí sản xuất để đánh giá các nguy cơ tiềm ẩn và đưa ra các biện pháp phòng ngừa.

Trong năm, Công ty không để xảy ra tai nạn lao động và sự cố môi trường lớn ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.4. Công tác lao động tiền lương, thực hiện chế độ chính sách

2.4.1. Nhân lực sử dụng: Công ty đã thực hiện sắp xếp lại lực lượng lao động trong toàn Công ty, lao động đầu kỳ là 191 người, lao động đến thời điểm 31/12/2025 là: 189 người (tăng trong kỳ là 08 người, giảm trong kỳ là 10 người), lao động sử dụng bình quân trong năm là 176 người. Trong năm, Công ty luôn thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và Tổng công ty. Bố trí đủ việc làm và đảm bảo đời sống cho cán bộ CNVC, LĐ.

2.4.2. Thực hiện chi trả tiền lương và đảm bảo các chế độ cho NLĐ: Thực hiện KHN, Công ty đã triển khai rà soát, xây dựng và ban hành phương án giao khoán đơn giá tiền lương cho từng công đoạn sản xuất gắn với các chỉ tiêu sản lượng, an toàn. Thực hiện các cơ chế khuyến khích hợp lý để tăng năng suất lao động. Tiền lương bình quân năm 2025 đạt 12,35/12,08 Tr.đồng/người/tháng, bằng 102% KHN. Thu nhập bình quân 13,0 Tr.đồng/người/tháng. Đảm bảo chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định: BHXH, BHYT, BHTN, tiền ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại...

2.5. Công tác Đầu tư xây dựng, phát triển tài nguyên

2.5.1. Công tác đầu tư xây dựng

Trong năm Công ty thực hiện đầu tư 02/02 dự án chính thức đạt 100% KHN và đang thực hiện chuẩn bị đầu tư (CBĐT) các dự án theo kế hoạch năm 2025. Tổng giá trị thực hiện đạt 11.417/14,224 tr.đồng. Cụ thể:

a. Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất:

- Đầu tư mua sắm máy xúc thủy lực gầu ngược, dung tích gầu $E \geq 1,4 \text{ m}^3$.
- Giá trị tổng mức đầu tư theo kế hoạch : 6.750 tr.đ.
- Tình hình thực hiện: Dự án được đầu tư xong và đưa vào hoạt động trong tháng 5/2025. Giá trị đầu tư thực hiện đạt 6.467/6.750 tr.đồng.

b. Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng năm 2025:

- Đầu tư mua sắm 03 xe ô tô vận tải, tải trọng $\geq 9,0$ tấn/xe.
- Giá trị tổng mức đầu tư theo kế hoạch : 6.000 tr.đ.
- Tình hình thực hiện: Dự án được đầu tư xong và đưa vào hoạt động trong tháng 4/2025. Giá trị đầu tư thực hiện đạt 4.950/6.000 tr.đồng.

2.5.2. Công tác phát triển tài nguyên

Công ty đặc biệt quan tâm đến công tác phát triển tài nguyên nhằm đảm bảo duy trì SXKD năm 2025 và những năm tiếp theo. Tuy nhiên, Trong năm công tác xin gia hạn/cấp phép các dự án gặp nhiều khó khăn do sự thay đổi của Pháp luật và chuyển đổi mô hình quản lý các cấp tại địa phương, nên chưa đạt được các mục tiêu, kế hoạch đề ra. Cụ thể:

a. Bãi thải Tập Lọc Phần: Giấy phép Khai thác tận thu Khoáng sản số: 2643/GP-UBND ngày 24/12/2020. (kết thúc 24/12/2025).

Công ty đã lập hồ sơ xin điều chỉnh dự án trình tỉnh Cao Bằng xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư (nộp hồ sơ ngày 24/9/2024), đã được các sở ban ngành thẩm định 02 lần và đồng ý về mặt kỹ thuật. Nhưng, do Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024, hiệu lực thi hành từ 01/7/2025 và có sự điều chỉnh rất nhiều quy định về hồ sơ gia hạn, cấp phép hoạt động khai thác, khai thác tận thu khoáng sản cụ thể là cần phải khoanh định khu vực đấu giá và không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, trong đó khu vực dự án Bãi thải Tập Lọc Phần chưa được khoanh định, nên dự án chưa được xem xét (tỉnh Cao Bằng đang xem xét về khoanh định khu vực đấu giá/không đấu giá quyền khai thác khoáng sản và các nội dung khác có liên quan... Tuy nhiên, do quy định của pháp luật chưa rõ ràng nên tỉnh Cao Bằng chưa phê duyệt).

Dự kiến trong năm 2026, khi được UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt khoanh định khu vực đấu giá và không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Công ty tiếp tục lập hồ sơ điều chỉnh Chủ trương đầu tư, lập hồ sơ ĐTM; hồ sơ cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản theo quy định.

b. Bãi thải Khu Tây: Giấy phép Khai thác tận thu Khoáng sản số: 2451/GP-UBND ngày 09/12/2021 thời hạn 05 năm (đến ngày 9/12/2026 hết thời hạn).

Dự án này cần phải thực hiện đủ hồ sơ các bước để được gia hạn giấy phép khai thác trước 30 ngày, tức trước ngày 09/11/2026. Cụ thể, khoan định, điều chỉnh, phê duyệt khu vực khoan định khu vực đấu giá và không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Lập phương án, thi công phương án đánh giá tài nguyên còn lại; Lập hồ sơ điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; Lập hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Tuy nhiên, hiện nay dự án chưa triển khai thực hiện do tỉnh Cao Bằng chưa phê duyệt khu vực đấu giá/không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Dự kiến trong năm 2026, sau khi được UBND tỉnh khoan định, điều chỉnh, phê duyệt khu vực khoan định khu vực đấu giá và không đấu giá quyền khai thác khoáng sản Công ty thực hiện kiểm kê đánh giá tài nguyên còn lại và triển khai các công việc xin chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp phép khai thác của dự án.

c. Dự án đầu tư khai thác mỏ thiếc Sa khoáng Nậm Kép:

Công tác xin chấp thuận chủ trương đầu tư hết sức khó khăn (chưa tiến triển được) do Dự án đề xuất có phạm vi ảnh hưởng tương đối lớn, có tác động đến cảnh quan, môi trường, các cơ quan chuyên môn của tỉnh có nhiều ý kiến chưa thống nhất, tỉnh Cao Bằng chưa cho ý kiến về định hướng đối với dự án. Dự kiến trong năm 2026, Công ty tiếp tục triển khai rà soát, đánh giá tổng thể lại dự án, cần thiết đề nghị Bộ NN&MT cho phép thăm dò bổ sung Địa chất thủy văn - Địa chất công trình để đưa ra các biện pháp/giải pháp cụ thể giải trình các ý kiến của tỉnh Cao Bằng để tỉnh Cao Bằng xem xét cấp chủ trương đầu tư dự án làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo

d. Mỏ sắt Nà Lũng, Phường Duyệt Trung, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng (nay là Phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng): Giấy phép khai thác khoáng sản số 1072 QĐ/QLTN ngày 19/4/1996 của Bộ Công nghiệp; Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số: 166/QĐ-BTNMT ngày 27/01/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (hết hiệu lực 19/4/2026). Trong năm 2025, Công ty đã rà soát, tổng hợp, thống kê, kiểm kê trữ lượng, tài nguyên còn lại để trình cấp có thẩm quyền cấp Chủ trương đầu tư điều chỉnh/gia hạn dự án nhằm khai thác triệt để tài nguyên, trữ lượng còn lại của mỏ. Hiện nay, đã được UBND tỉnh cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số: 237/ QĐ-UBND, ngày 25 tháng 02 năm 2026. Dự kiến trong năm 2026, Công ty thực hiện hoàn thành việc lập và phê duyệt Hồ sơ đánh giá tác động môi trường, lập, phê duyệt hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản và các thủ tục khác có liên quan để dự án tiếp tục hoạt động khai thác khoáng sản quặng sắt và các khoáng sản đi kèm còn lại tại mỏ sắt Nà Lũng.

2.6. Thực hiện quản trị chi phí, doanh thu, lợi nhuận

2.6.1. Thực hiện quản trị chi phí

2.6.1.1. Thực hiện các chỉ tiêu giá thành

Để đảm bảo sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, Công ty đã triển khai các biện pháp nhằm tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Cụ thể như sau:

a. Giá thành sản xuất

** Sản xuất tinh quặng thiếc 70%Sn và thiếc thỏi 99,75%Sn:*

- Giá thành sản xuất tinh quặng thiếc 321/278 trđ/tấnTQ bằng 125% KHN.

Nguyên nhân:

+ Các chỉ tiêu KTCN như: Khối lượng bóc thải tăng, hàm lượng đầu vào giảm (đã đánh giá tại mục 2.1 a);

+ Do giá thuế phí và các khoản nghĩa vụ với nhà nước tăng(phát sinh chi phí tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật mới);

- Giá thành sản xuất thiếc thỏi 99,75% Sn cả năm là 507/440 Tr.đ/tấn bằng 114% KHN.

Nguyên nhân: Do giá nguyên liệu tinh quặng thiếc đầu vào tăng (chi tiết như đã nêu trên), làm giá thành sản xuất tăng 63,96 tr.đ/tấn.

** Sản xuất ferro silic 45:*

- Giá thành sản xuất cả năm là 16,74/19,87 Tr.đ/tấn, bằng 84% KHN (giảm 3,13 tr.đ/tấn).

Nguyên nhân: Do tiêu hao định mức vật tư giảm (tiết kiệm vật tư, nhiên liệu) và giá cả đầu vào giảm.

** Sản xuất điện năng:*

- Giá thành sản xuất cả năm là 1.961/1.461 đ/kwh, tăng 500 đồng/kwh bằng 134% giá KHN.

Nguyên nhân:

+ Do sản lượng giảm, trong khi các chi phí cố định không đổi;

+ Do thiết bị cũ, thường xuyên hư hỏng, tiêu hao vật tư tăng;

+ Do thuế, phí tăng;

b. Giá thành tiêu thụ

** Giá thành tiêu thụ thiếc thỏi 99,75%Sn:*

- Giá thành tiêu thụ năm đạt 772,4/627 tr/tấn, bằng 123% KHN.

Nguyên nhân:

+ Do giá thành sản xuất tăng làm tăng giá thành tiêu thụ.

+ Do sản lượng giảm trong khi các chi phí cố định trong chi phí quản lý không đổi;

+ Do hạch toán các chi phí như: Tham quan nghỉ mát cho người lao động .. vào chi phí sản xuất năm 2025 (SXKD có hiệu quả nên Công ty không sử dụng và chi nguồn quỹ phúc lợi);

+ Do phát sinh chi phí Kỷ niệm ngày thành lập Công ty (KHN chưa xây dựng chi phí này).

* *Giá thành tiêu thụ ferro silic:*

- Giá thành tiêu thụ năm đạt 19,15/19,87 tr/tấn, bằng 96,4% KHN.
- Nguyên nhân: Do giá thành sản xuất giảm (chi tiết đã nêu tại mục Giá thành sản xuất).

2.6.2. Doanh thu

Tổng doanh thu của Công ty thực hiện cả năm đạt 137.023/123.219 tr.đồng, bằng 111% KHN. Trong đó:

- Doanh thu khoáng sản đạt 122.782/120.320 tr.đ, bằng 102% KHN (*chủ yếu do giá bán thiếc thời tăng, đạt 886/712 tr.đ/tấn*).

- Doanh thu khác đạt 14.241/2.899 tr.đ (*tăng do trong năm có thêm doanh thu từ dịch vụ nổ mìn Nhà Lũng*).

2.6.3. Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế cả năm đạt 13.523/13.242 tr.đồng, bằng 102% KHN.

PHẦN II:

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2026

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát: “An toàn - Tiết kiệm - Hiệu quả”.

2. Mục tiêu cụ thể:

Bảng 4: Tổng hợp các chỉ tiêu chính kế hoạch SXKD năm 2026

TT	NỘI DUNG	ĐVT	KH năm 2026	Ghi chú
I	Sản xuất – Tiêu thụ sản phẩm			
1	Sản xuất chính			
-	Tình quặng thiếc 70%Sn	Tấn	180	
	Tương đương Thiếc thời 99,75% Sn	Tấn	120	
2	Sản phẩm tiêu thụ chính			
-	Thiếc thời 99,75% Sn	Tấn	120	
II	Các chỉ tiêu giá trị			
1	Doanh thu	Tr.đồng	118.892	
2	Lợi nhuận	Tr.đồng		
-	Lợi nhuận trước thuế	"	8 561	
-	Lợi nhuận sau thuế	"	6 200	
3	Tỷ lệ lợi nhuận/Vốn CSH	%	6,50	

TT	NỘI DUNG	ĐVT	KH năm 2026	Ghi chú
4	<i>Nộp NSNN</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>22.347</i>	
5	<i>Đầu tư xây dựng</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>12.785</i>	
-	Xây dựng	"	-	
-	Thiết bị	"	11.400	
-	Chi phí khác	"	1.385	
6	<i>Lao động, tiền lương</i>			
-	Lao động bình quân	Người	186	
-	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	25.500	
-	Tiền lương bình quân	Tr.đồng/ng/thg	11,425	
7	<i>Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức</i>		<i>≥ 5%</i>	

Ghi chú: Kế hoạch SXKD năm 2026 được xây dựng trên cơ sở giá dầu bình quân cả năm là 19.000 đ/lít và giá tính thuế tài nguyên tính quặng thiếc 70% Sn là 24.480.000 đ/tấn. Trong quá trình thực hiện kế hoạch, giá dầu bình quân có thể tăng do biến động của tình hình thế giới và giá thuế tài nguyên tăng do chính sách thuế phí của nhà nước, địa phương làm giảm lợi nhuận so với kế hoạch đề ra. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị giao Ban điều hành Công ty cân đối điều hành để hoạt động SXKD của Công ty đảm bảo hiệu quả (không để lỗ).

II. Các giải pháp thực hiện

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Tiếp tục rà soát lại mô hình tổ chức sản xuất, định biên lại lao động để phù hợp với những biến động trong sản xuất, đồng thời tuyển dụng, đào tạo lao động kỹ thuật như lái máy, lái xe, vận hành thủy điện.... để đảm bảo định biên lao động các vị trí sản xuất và phục vụ định hướng phát triển của Công ty.

Luôn nêu cao ý thức trách nhiệm từ quản lý đến người lao động. Cán bộ quản lý thường xuyên bám sát sản xuất để hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất và kiểm soát sản phẩm.

Kiểm soát việc thực hiện nội quy lao động và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật lao động...

2. Công tác An toàn vệ sinh lao động và Bảo vệ môi trường

Thực hiện nhất quán mục tiêu không tai nạn, không sự cố, giảm bệnh nghề nghiệp.

Duy trì An toàn - An ninh - An sinh trong toàn Công ty. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, luyện kim, phát dẫn điện năng.

Thực hiện nghiêm túc các quy trình, quy phạm, các giải pháp đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất, chủ động phòng ngừa sự cố. Rà soát các biện pháp, giải pháp đảm bảo ATVSLĐ và BVMT trong từng công đoạn sản xuất. Tăng cường kiểm tra và xử lý kiên quyết các cá nhân, tập thể vi phạm quy trình, quy phạm KTAT và BVMT trong sản xuất.

Tuyên truyền và hình thành ý thức tự chủ trong công tác ATVSLĐ.

3. Công tác sản xuất

3.1. Công tác khai thác mỏ và tuyển khoáng

Trên cơ sở kết quả đánh giá tài nguyên còn lại của bãi thải Khu Tây, bãi thải Thập Lục Phần, xây dựng kế hoạch bóc đất đá thải, khai thác quặng theo từng vùng hàm lượng quặng khác nhau để điều hành sản xuất.

Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật cơ bản trong khâu khai thác vận tải để tiết giảm chi phí từ việc bố trí thiết bị hợp lý, đảm bảo an toàn môi trường và đặc biệt quan tâm tới công tác bố trí diện khai thác mùa khô, mùa mưa, công tác thoát nước mỏ, xúc bốc chọn lọc và các tuyến đường vận chuyển...

Tăng cường kiểm tra, giám sát trong khâu tuyển khoáng để đưa ra các biện pháp điều chỉnh các chỉ tiêu công nghệ đảm bảo thực thu và thu hồi tối đa tài nguyên khoáng sản có ích để giảm giá thành sản xuất.

3.2. Công tác phát dẫn điện năng và luyện kim

- Sản xuất điện năng: Triển khai rà soát kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị phát dẫn điện năng ngay từ đầu năm để tạo sự ổn định trong sản xuất khi mùa mưa đến, đáp ứng sản lượng điện cung cấp cho sản xuất quặng thiếc, ferro của Công ty. Trong quá trình sản xuất, thường xuyên rà soát kiểm tra các hệ thống đầu đập, đường máng và hệ thống phát dẫn để đưa ra các biện pháp phòng ngừa. Đặc biệt là trước và sau các đợt mưa.

- Sản xuất Ferro silic: Kiểm soát chặt chẽ vật liệu đầu vào, tăng cường giám sát trong quá trình chuẩn bị liệu đến khâu nấu luyện. Tận dụng, phối trộn các nguyên vật liệu khác để giảm tiêu hao của các nguyên liệu chính như: phối trộn gỗ vụn, than điện cục gãy để giảm tiêu hao than cốc, v.v.

- Sản xuất thiếc thỏi 99,75%Sn: Tiếp tục thực hiện thuê ngoài luyện thiếc thành nhiều đợt trong năm để có sẵn sản phẩm và tranh thủ tiêu thụ trong điều kiện giá cả thuận lợi, đồng thời đảm bảo nguồn tài chính để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Đối với công tác Cơ điện

Triển khai công tác sửa chữa, đặc biệt là sửa chữa lớn ngay từ đầu năm để đảm bảo huy động và sử dụng hiệu quả năng lực thiết bị hiện có. Đồng thời điều phối, bố trí hợp lý thiết bị giữa các vị trí sản xuất trong Công ty.

Tăng cường giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu công nghệ, định mức tiêu hao.

Tiếp tục thực hiện việc gia công chế tạo, khắc phục, sửa chữa vật tư sau thu hồi để tái sử dụng đưa vào sản xuất.

Lắp đặt bổ sung 01 hệ tuyến tại Khu Tây để tăng năng lực sản xuất, đảm bảo sản lượng, việc làm, thu nhập cho người lao động trong thời gian xin gia hạn/cấp phép mới dự án Thập Lục Phần.

5. Công tác quản trị chi phí

Xây dựng kế hoạch điều hành ngay từ đầu năm và triển khai giao khoán chi phí đến các công đoạn sản xuất. Đồng thời hoàn thiện công tác thống kê, kiểm soát tiêu hao vật tư, chi phí sản xuất hàng ngày đảm bảo số liệu báo cáo nhanh, chính xác, phân tích các nguyên nhân tăng giảm để kịp thời đưa ra các giải pháp điều hành về công nghệ, giảm tiêu hao, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Kiểm soát việc mua sắm và sử dụng vật tư, nguyên nhiên liệu sản xuất với mục tiêu: Cung ứng nhanh, chất lượng, khắc phục những hạn chế, nhược điểm của những năm trước. Kiểm kê, đánh giá vật tư thu hồi, sửa chữa các vật tư có thể tái sử dụng được để tiết giảm chi phí, giảm giá thành sản xuất. Đảm bảo tỷ lệ tồn kho theo quy chế của Công ty.

Trong công tác nghiệm thu, quyết toán: Tập trung kiểm soát chặt chẽ nhân công, nhân lực, năng suất lao động; Phân tích, đánh giá, làm rõ các nguyên nhân từ đó đưa ra phương hướng kế hoạch giao khoán các tháng, quý tiếp theo phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo hiệu quả.

6. Công tác lao động tiền lương

Rà soát, định mức nhân lực, năng suất lao động ở từng vị trí, công đoạn sản xuất và xây dựng kế hoạch tiền lương điều hành ngay từ đầu năm. Đồng thời thực hiện giao khoán đơn giá tiền lương đến các đơn vị, cho từng công đoạn, sản phẩm sản xuất. Trên cơ sở phát động thi đua hàng tháng của Công ty, xây dựng mức thưởng năng suất gắn với mục tiêu ATVSLĐ theo tháng đối với cá nhân và tập thể để thúc đẩy sản xuất, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đảm bảo hiệu quả.

7. Công tác đầu tư xây dựng, phát triển tài nguyên

Tập trung nguồn lực, bám sát cơ quan quản lý Nhà nước để thực hiện công tác xin gia hạn/cấp phép mới các dự án với mục tiêu trọng điểm như sau:

a. Dự án khai thác tận thu quặng thiếc và các khoáng sản đi kèm trong đất đá thải khu vực bãi thải Thập Lục Phần, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng điều chỉnh (đã hết hạn giấy phép từ tháng 12/2025)

Bám sát Bộ NN&MT và tỉnh Cao Bằng để quy hoạch khu vực đầu giá/không đầu giá quyền khai thác khoáng sản. Đồng thời bám sát các sở ngành của tỉnh Cao Bằng để đẩy nhanh tiến độ xin Chấp thuận chủ trương đầu tư và cấp giấy phép khai thác mới. Mục tiêu xin được giấy phép khai thác mới và triển khai đưa dự án vào hoạt động trong năm 2026.

b. Dự án khai thác tận thu quặng thiếc và các khoáng sản đi kèm trong đất đá thải khu vực bãi thải Khu Tây, mỏ thiếc Tĩnh Túc, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (điều chỉnh). (thời hạn kết thúc giấy phép khai thác tháng 12/2026)

Dự án có điều kiện tương tự như dự án Thập Lục Phần (TLP). Trong năm 2026, thực hiện kiểm kê đánh giá tài nguyên còn lại và lập, nộp hồ sơ xin điều chỉnh chủ trương đầu tư/cấp phép dự án. Mục tiêu xin được quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và giấy phép khai thác trong năm 2026 để duy trì hoạt động sản xuất liên tục (không bị gián đoạn), đảm bảo việc làm cho NLĐ.

c. Mỏ sắt Nà Lũng, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng (kết thúc 19/4/2026)

Trong năm 2026, tiếp tục bám sát Bộ NN&MT để xin cấp giấy phép khai thác, đồng thời triển khai các bước tiếp theo để đưa dự án vào hoạt động. Mục tiêu xin được giấy phép khai thác và hoàn thiện đầu tư trong năm 2026.

d. Dự án đầu tư khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép

Rà soát, đánh giá tổng thể lại dự án, điều chỉnh báo cáo Nghiên cứu khả thi trên cơ sở đưa ra các biện pháp/giải pháp giải trình các ý kiến của tỉnh Cao Bằng và báo cáo tỉnh Cao Bằng xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

e. Ngoài các mục tiêu nêu trên, trong năm triển khai thực hiện đầu tư các dự án đảm bảo hoàn thành kế hoạch đầu tư đã đề ra.

PHẦN III: KẾT LUẬN

Trong năm 2025, SXKD của Công ty gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự quan tâm, ủng hộ của sở ban ngành địa phương, của Tổng công ty, HĐQT Công ty cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của ban điều hành, sự đoàn kết, đồng lòng, nỗ lực của tập thể CBCNV, sự ủng hộ của các cổ đông, kết quả SXKD của Công ty năm 2025 đã đạt được kết quả nhất định.

Năm 2026, dự báo sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt trong công tác xin cấp phép dự án để đảm bảo duy trì sản xuất liên tục không bị gián đoạn. Công ty rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ, tạo điều kiện của sở

bán ngành địa phương, lãnh đạo Tổng công ty, HĐQT Công ty và các cổ đông đề Công ty hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2026 đã đề ra.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025, Kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Xin trân trọng cảm ơn./.

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Chương
Trần Văn Chương

Số: 271/BC-HĐQT

Cao Bằng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông, hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng xin báo cáo Đại hội về các mặt hoạt động của HĐQT Công ty năm 2025. Phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

**PHẦN I
ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG NĂM 2025**

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

- Hội đồng quản trị Công ty hoạt động với 05 thành viên, gồm các ông/bà sau:
 - + Ông Lý Xuân Tuyên – Chủ tịch HĐQT;
 - + Ông Trần Văn Chương – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty;
 - + Ông Nguyễn Mạnh Hưng – Thành viên HĐQT;
 - + Ông Hà Ngọc Bình – Thành viên HĐQT;
 - + Ông Đỗ Hữu Chiêm – Thành viên HĐQT.
- Với vai trò là người đại diện quyền lợi cho cổ đông của Công ty, trong năm 2025 HĐQT đã nêu cao vai trò, trách nhiệm, cùng với Ban điều hành công ty thực hiện nhiệm vụ cẩn trọng theo đúng chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT đã tổ chức, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra; bổ nhiệm nhân sự quản lý cấp cao và các nội dung khác theo thẩm quyền.
- Hội đồng quản trị thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc Công ty thực hiện các nghị quyết, phối hợp với Ban điều hành kịp thời có các biện pháp phù hợp, điều chỉnh hoạt động SXKD của Công ty, chấn chỉnh bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong quản trị doanh nghiệp.
- Phối hợp với BKS Công ty để tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý chỉ đạo công ty thực hiện các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra và tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.
- Hội đồng quản trị đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định, tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường phù hợp với tình hình kinh tế xã hội, thị



trường giá cả và tình hình biến động sản xuất của Công ty. Mỗi phiên họp của HĐQT đều được ghi chép thành biên bản, ban hành các Nghị quyết, Quyết định để điều hành Công ty và tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết các cuộc họp trước đó.

- Trong năm HĐQT đã tổ chức 09 phiên họp, ban hành 18 Nghị quyết để chỉ đạo liên quan đến hoạt động của Công ty. Các cuộc họp đều có đủ số thành viên HĐQT tham dự theo quy định, các thành viên HĐQT đều thể hiện trách nhiệm và thống nhất ý kiến.

II. Kết quả hoạt động Công ty năm 2025

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD

a. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Doanh thu đạt 137,023 tỷ đồng bằng 111% KHN và bằng 110% thực hiện năm 2024;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 13,523 tỷ đồng bằng 102% KHN và bằng 113% thực hiện năm 2024;
- Nộp ngân sách: 25,099 tỷ đồng bằng % 92 KHN và bằng 114% thực hiện năm 2024;
- Tổng quỹ tiền lương: 26,093 tỷ đồng bằng 100 % KHN và bằng 98% thực hiện năm 2024;
- Lao động sử dụng bình quân: 176 người bằng 98% KHN và bằng 99% thực hiện năm 2024.

b. Các chỉ tiêu sản lượng sản xuất chính:

- Thiếc kim loại 99,75% Sn đạt: 123,98 tấn bằng 88% KHN và bằng 84% thực hiện năm 2024.

c. Tiêu thụ sản phẩm:

- Thiếc kim loại 99,75% Sn tiêu thụ đạt: 117,48 tấn bằng 83% KHN;

2. Đánh giá kết quả hoạt động của Công ty

Năm 2025 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có nhiều thay đổi tích cực, đạt hiệu quả thể hiện qua một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu sau:

- + Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo: Tổng số nợ phải thu 56,97 tỷ đồng. trong đó Phải thu khách hàng: 52,09 tỷ đồng.
- + Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo: Tổng số nợ phải trả 45,71 tỷ đồng trong đó nợ ngắn hạn 41,71 tỷ đồng; nợ dài hạn 3,9 tỷ đồng.
- + Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu = 0,57
- + Khả năng thanh toán (Tổng TS/NPT) = 3,19 lần.
- + Khả năng thanh toán nợ đến hạn (TSNH/NNH) = 2,73 lần.
- + Hệ số bảo toàn vốn tại Doanh nghiệp >1.

III. Kết quả giám sát của HĐQT với Giám đốc và Ban điều hành Công ty

- Các thành viên trong Ban điều hành Công ty đều có trình độ, chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực hoạt động sản xuất của Công ty.
- Giám đốc Công ty đã có phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho Phó Giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần, tháng và triển khai kế hoạch công việc kế tiếp.
- Giám đốc và Ban điều hành đã chủ động, nỗ lực thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông thông qua, quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần, trách nhiệm cao đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm.
- Hội đồng quản trị Công ty giám sát việc sử dụng, quản lý và đầu tư tài sản, mua bán vật tư phục vụ SXKD, giám sát thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Hình thức giám sát: HĐQT dự họp với Ban điều hành kiểm điểm kết quả SXKD theo quy định; giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của BKS Công ty.
- Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đều đúng thẩm quyền không gây cản trở hoạt động của Công ty và bộ máy điều hành. Việc kiểm tra, giám sát này giúp cho HĐQT làm việc tốt hơn. Qua kiểm tra, giám sát, HĐQT đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động SXKD của Công ty và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả, hạn chế các rủi ro.



PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

I. Nhận định chung

Tình hình bất ổn trong hệ thống chính trị tại nhiều Quốc gia trên thế giới dự kiến tiếp tục tác động xấu đến nền kinh tế toàn cầu, khiến giá nguyên nhiên vật liệu, thiếc kim loại, Fero Silic biến động khó lường. Tại Công ty tài nguyên quặng thiếc đã cạn kiệt, chủ yếu khai thác tận thu tại các bãi thải; tài sản, máy móc thiết bị xuống cấp... Vì vậy năm 2026 hoạt động của Công ty được dự báo sẽ còn gặp nhiều khó khăn, Công ty cần có giải pháp phù hợp về tài nguyên, tiết kiệm chi phí, khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, đảm bảo có hiệu quả.

II. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026

Năm 2026 HĐQT Công ty dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch các chỉ tiêu chính sản xuất kinh doanh, như sau:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Doanh thu: 118,892 tỷ đồng bằng 87% thực hiện năm 2025;
- Lợi nhuận trước thuế: 8,561 tỷ đồng bằng 63% thực hiện năm 2025;
- Nộp ngân sách: 22,347 tỷ đồng bằng 89% thực hiện năm 2025;
- Tổng quỹ tiền lương: 25,5 tỷ đồng bằng 98% thực hiện năm 2025;

- Lao động sử dụng bình quân: 186 người bằng 106% thực hiện năm 2025.

2. Các chỉ tiêu sản lượng chính

- Thiếc kim loại 99,75% Sn: 120 tấn bằng 97% thực hiện năm 2025.

3. Tiêu thụ sản phẩm

- Thiếc kim loại 99,75% Sn tiêu thụ: 120 tấn bằng 102% thực hiện năm 2025.

III. Phương hướng hoạt động

1. Tập trung chỉ đạo, giám sát công tác triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2026. Điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp để thực hiện được các nội dung mà Đại hội thường niên đề ra. Tích cực hỗ trợ Ban giám đốc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

2. Tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, trọng tâm là xin cấp giấy phép khai thác bãi thải Thập Lục Phần, bãi thải khu Tây, mỏ sắt Nà Lũng trong năm 2026; thực hiện lập hồ sơ xin cấp chủ trương đầu tư Dự án đầu tư khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép.

3. Chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện có hiệu quả công tác tái cơ cấu lao động; công tác quản lý kỹ thuật cơ bản; công tác Đầu tư; công tác chăm lo xây dựng đội ngũ, phát triển nguồn nhân lực; công tác áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

4. Chỉ đạo Ban Giám đốc quan tâm, sát sao trong công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong hoạt động sản xuất kinh doanh.


5. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Phát huy các mặt đã làm được và kịp thời khắc phục các mặt yếu kém chưa làm được. Rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế nội bộ theo thẩm quyền.

Trên đây là báo cáo đánh giá hoạt động năm 2025 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng. Rất mong các cổ đông và Quý vị đại biểu tham gia đóng góp ý kiến, giúp cho hoạt động của Hội đồng quản trị ngày càng tốt hơn.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP; Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lý Xuân Tuyên

Số: 272 /BC-BKS

Cao Bằng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT KỲ NĂM 2025
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính gửi: Quý vị cổ đông
Công ty Cổ phần Khoáng sản và luyện kim Cao Bằng

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và luyện kim Cao Bằng.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty kết quả hoạt động của BKS năm 2025 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

I. Tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Quy mô tổ chức:

Theo các nghị quyết số: 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 (Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2022 - 2027), Nghị quyết số: 12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/08/2024 (Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024) và Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/05/2025 (Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025). Ban kiểm soát hiện có 03 thành viên, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, nơi công tác
1	Lê Thanh Tùng	14/10/1988	Cử nhân kinh tế	CV- P.TCKT Tổng công ty khoáng sản - TKV
2	Đặng Giang Nam	02/6/1982	Kỹ sư Khai thác mỏ	TP. Kế hoạch Kinh doanh Công ty cổ phần khoáng sản & Luyện kim Cao Bằng
3	Trương Văn Hải	26/10/1992	Kỹ sư Khai thác mỏ	P.TP Kỹ Thuật – ATMT, Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

2. Hình thức hoạt động: Các thành viên BKS đều độc lập, không giữ các chức vụ quản lý, không làm việc tại bộ phận kế toán của Công ty:

- Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS đã được ĐHĐCĐ thông qua và ban hành làm cơ sở, căn cứ cho các hoạt động của Ban.

- BKS có các nhiệm vụ chính sau: Kiểm soát hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch HĐQT, Giám đốc đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, chủ sở hữu công ty, điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của đơn vị: Thực hiện theo quy định về chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Thường xuyên tham gia các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình SXKD của Cty, theo dõi việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các NQ của HĐQT, lưu ý HĐQT và Ban điều hành về việc thực hiện các NQ này để đảm bảo các NQ đưa ra được triển khai một cách triệt để, đúng quy định; Công tác thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu và cơ quan liên quan: thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Cty, chịu trách nhiệm thực hiện chương trình kiểm soát định kỳ Quý và cả năm, lập Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát báo cáo Vimico và trình ĐHĐCĐ thường niên.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát đã được chi trả trong năm 2025:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Phát sinh đã chi trong năm 2025			Ghi chú
			Thù lao, Thưởng VCQL năm 2024	Chi phí hoạt động năm 2025	Tổng	
1	Lê Thanh Tùng	Trưởng ban	27.568.000	24.072.000	51.640.000	
2	Đỗ Ngọc Hải	Trưởng ban	38.595.200	-	38.595.200	
3	Đặng Giang Nam	Thành viên	62.591.000	24.072.000	86.663.000	
4	Đàm Nông Minh	Thành viên	62.591.000	-	62.591.000	
5	Trương Văn Hải	Thành viên	-	4.012.000	4.012.000	
	Tổng cộng:		191.345.200	52.156.000	243.501.200	

* **Lưu ý:** Số phát sinh đã chi trong năm 2025 đã bao gồm Tiền thù lao và Chi phí dư cuối kỳ 31/12/2024, công ty chưa chi trả cho các thành viên Ban kiểm soát (Dư thù lao: 153.600.000 đồng và dư Quỹ thưởng viên chức quản lý năm 2024: 37.745.200 đồng).

II. Kết quả hoạt động của BKS năm 2025:

1. Kết quả giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên trong năm 2025 của Công ty đã đạt kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2025	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
1. Tổng Doanh thu	Tr.đ	137.023	123.219	111,20%
2. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	13.523	13.242	102,12%
3. Nộp ngân sách	Tr.đ	25.099	27.337	91,81%
4. Chỉ tiêu sản lượng chính				
+ TQ thiếc 70%Sn	Tấn	185,13	208,0	89,00%
+ Thiếc thỏi 99,75%Sn	Tấn	117,48	142,00	82,73%
+ Đất đá chứa quặng thiếc	Tấn	1.265.606	1.422.224	88,99%
+ Đất đá bóc	M ³	140.311	50.195	279,53%
+ Ferro silic 45%	Tấn	351	600	58,5%
+ Điện năng sản xuất	Tr.kwh	5,4	6,9	78,26%
5. Các chỉ tiêu tiêu thụ				
+ Thiếc thỏi 99,75%Sn	Tấn	117,48	142,00	82,73%
6. Lao động BQ	Người	176	180	97,78%
7. Thu nhập BQ	Tr.đ	13,172	12,08	109,04%
8. Giá trị đầu tư xây dựng	Tr.đ	11.367	14.244	79,80%

Đánh giá như sau:

- Các chỉ tiêu về sản xuất và tiêu thụ:

+ Tinh quặng thiếc 70%Sn sản xuất đạt 89,00% KH năm 2025, tăng 10,46% so với năm 2024. Lý do: Điều kiện mùa khô và ảnh hưởng mưa bão. Ngoài ra, hàm lượng đầu vào giảm (đạt 98% KHN), nên sản lượng tinh quặng thiếc 70% Sn không đạt so với KHN.

+ Thiếc thỏi 99,75%Sn sản xuất đạt 82,73% KHN 2025 và giảm 20,46% so với năm 2024. Lý do: Sản lượng tinh quặng thiếc 70% Sn cả năm giảm (đạt 89%

KHN) và chưa luyện hết phần tinh quặng thiếc sản xuất cuối năm (tồn kho 11,7 tấn tinh quặng tương đương 7,85 tấn thiếc thời).

+ Ferro Silic 45% sản xuất đạt 58,5% KHN 2025 và giảm 38,96% so với năm 2024. Lý do: Đầu năm, lượng điện phát dẫn chỉ đủ duy trì sản xuất quặng thiếc, không đủ đáp ứng cho các lò luyện hoạt động. Đến tháng 7/2025 mới cân đối đủ điện để sản xuất và duy trì được 1/2 lò hoạt động trong năm (bằng 50% KHN).

+ Sản lượng điện sản xuất đạt 78,26% KHN 2025 và giảm 14,56% so với năm 2024. Lý do: Đầu năm, điều kiện thời tiết khô hạn kéo dài, các nhà máy thủy điện không có đủ lượng nước để phát dẫn; ngoài ra, do thiên tai mưa bão các nhà máy phải dừng sản xuất từ 10 - 30 ngày để sửa chữa khắc phục.

+ Công tác bóc xúc đất đá chỉ hoàn thành 92%% KH năm 2025. Lý do: Mùa khô đầu năm kéo dài, sản lượng điện tự sản xuất và nước phục vụ tuyển rửa không đủ để các tuyển hoạt động đạt công suất. Ngoài ra, phải ngừng sản xuất nhiều ngày do mưa bão số 10, số 11 (khu Tây dừng 12 ngày, TLP dừng 30 ngày).

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2025:

+ Lợi nhuận trước thuế: 13.523/13.242 triệu đồng, đạt 102,12% KHN 2025, bằng 113,2% cùng kỳ năm 2024;

+ Lợi nhuận sau thuế: 8.595 triệu đồng, đạt 114,58% KHN 2025 và bằng 154,9% cùng kỳ năm 2024;

+ Hệ số nợ phải trả/ Vốn CSH: 0,48 lần bằng 201,07% với thực hiện cùng kỳ năm trước (năm 2024 là 0,24 lần);

+ Hệ số Khả năng thanh toán nợ đến hạn: 2,76 lần bằng 63,85% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (năm 2024 là 4,28 lần);

+ Dư vay ngắn hạn ngày 31/12/2025 là: 2.668 triệu đồng;

+ Dư vay dài hạn ngày 31/12/2025 là: 3.998 triệu đồng.

2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Giám đốc và kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty:

2.1. Tình hình hoạt động của HĐQT và Ban lãnh đạo điều hành, cán bộ quản lý công ty:

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có sự phối hợp hoạt động trên tinh thần xây dựng hợp tác. Các Nghị quyết của HĐQT đều được Ban Kiểm soát giám sát tính đúng đắn và quá trình thực hiện. BKS được mời tham

dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong kỳ, các ý kiến đóng góp của BKS được ghi nhận và thực hiện.

Trong năm 2025, HĐQT công ty đã tiến hành 08 phiên họp và ban hành 18 Nghị quyết liên quan đến hoạt động của công ty như sau:

- Nghị quyết số: 01/NQ-HĐQT ngày 17/02/2025 về việc thông qua việc tạm thời thôi quản lý, điều hành công việc đối với Giám đốc và giao nhiệm vụ cho cán bộ thay thế;

Kết quả thực hiện: Ban hành Quyết định số 109/QĐ-KSLK ngày 17/02/2025 về vv tạm thời thôi quản lý điều hành đối với ông Trần Văn Chương; Ban hành Quyết định số: 110/QĐ-KSLK ngày 17/02/2025 giao nhiệm vụ đối với ông Đỗ Hữu Chiêm;

- Nghị quyết số: 02/NQ-HĐQT ngày 06/03/2025 về việc Tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Kết quả thực hiện: Công ty đã triển khai thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 theo đúng kế hoạch;

- Nghị quyết số: 03/NQ-HĐQT ngày 06/03/2025 về việc thông qua chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ của Công ty;

Kết quả thực hiện: HĐQT thống nhất ý kiến 100%;

- Nghị quyết số: 04/NQ-HĐQT ngày 20/03/2025 về việc bổ nhiệm lại chức danh Quản đốc phân xưởng khai tuyển;

Kết quả thực hiện: HĐQT thống nhất ý kiến 100% bổ nhiệm lại ông Vũ Văn Phóng;

- Nghị quyết số: 05/NQ-HĐQT ngày 25/04/2025 về việc đề cử nhân sự bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027;

Kết quả thực hiện: HĐQT thống nhất ý kiến 100%;

- Nghị quyết số: 06/NQ-HĐQT ngày 25/04/2025 về việc thông qua Phê duyệt vay vốn tín dụng Ngân hàng;

Kết quả thực hiện: HĐQT thống nhất ý kiến 100%;

- Nghị quyết số: 07/NQ-HĐQT ngày 08/05/2025 về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (điều chỉnh) dự án khai thác quặng sắt và các khoáng sản đi kèm mỏ sắt Nà Lũng, phường Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

Kết quả thực hiện: HĐQT thống nhất ý kiến 100%;

- Nghị quyết số: 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/05/2025 Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Kết quả thực hiện: Đã công bố thông tin theo đúng luật pháp quy định;

- Nghị quyết số: 09/NQ-HĐQT ngày 19/06/2025 về việc về việc chi trả cổ tức bằng tiền năm 2024;

Kết quả thực hiện: Công ty đang thực hiện chi trả cổ tức năm 2024; Đề nghị công ty rà soát thực hiện chi trả ngay theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020;

- Nghị quyết số: 10/NQ-HĐQT ngày 19/06/2025 về việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty;

Kết quả thực hiện: Công ty Ban hành Quyết định số 409/QĐ-KSLK ngày 19/06/2025 về việc bổ nhiệm người quản trị công ty đối với ông Nguyễn Văn Biên;

- Nghị quyết số: 12/NQ-HĐQT ngày 19/06/2025 về việc thanh lý tài sản cố định;

Kết quả thực hiện: Căn cứ nghị quyết công ty đã triển khai thực hiện công việc;

- Nghị quyết số: 13/NQ-HĐQT ngày 19/06/2025 về việc Phê duyệt Báo cáo KTKT công trình TBA 630KVA;

Kết quả thực hiện: Căn cứ nghị quyết công ty đã triển khai thực hiện công việc;

- Nghị quyết số: 14/NQ-HĐQT ngày 27/11/2025 về việc Phê duyệt kế hoạch thuê ngoài bổ sung năng lực xúc bốc năm 2026;

Kết quả thực hiện: Căn cứ nghị quyết công ty đang triển khai thực hiện công việc;

- Nghị quyết số: 15/NQ-HĐQT ngày 27/11/2025 về việc Phê duyệt kế hoạch thuê ngoài luyện thiếc thời năm 2026;

Kết quả thực hiện: Căn cứ nghị quyết công ty đang triển khai thực hiện công việc;

- Nghị quyết số: 16/2025/NQ-HĐQT ngày 27/11/2025 về việc Thông qua các Quy chế quản lý trong Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng;

Kết quả thực hiện: Công ty đã thực hiện ban hành các Quyết định:

+ Quyết định số 815/QĐ-HĐQT ngày 28/11/2025 về việc ban hành Quy chế quản lý công tác An toàn vệ sinh lao động trong Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng;

+ Quyết định số 816/QĐ-HĐQT ngày 28/11/2025 về việc ban hành Quy chế quản lý công tác Bảo vệ môi trường trong Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng;

+ Quyết định số 817/QĐ-HĐQT ngày 28/11/2025 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng;

+ Quyết định số 819/QĐ-HĐQT ngày 28/11/2025 về việc ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng;

+ Quyết định số 820/QĐ-HĐQT ngày 28/11/2025 về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng;

- Nghị quyết số: 17/NQ-HĐQT ngày 27/11/2025 về việc Phân phối Quỹ thưởng viên chức quản lý Công ty năm 2024;

Kết quả thực hiện: Căn cứ nghị quyết công ty đã triển khai thực hiện;

- Nghị quyết số: 18/NQ-HĐQT ngày 27/11/2025 về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng, Phúc lợi năm 2025;

Kết quả thực hiện: Căn cứ nghị quyết công ty đã triển khai thực hiện công việc;

2.2. Tình hình biến động nhân sự trong Ban lãnh đạo, điều hành và cán bộ quản lý của Công ty:

Trong năm 2025 nhân sự Ban lãnh đạo công ty đã có sự thay đổi như sau:

TT	Ban điều hành	Chức vụ trong Ban điều hành	Ngày bắt đầu thôi nhiệm vụ		Số nghị quyết/quyết định
			Ngày nhận nhiệm vụ	Ngày miễn nhiệm vụ	
1.	Trần Văn Chương	Giám đốc		17/02/2025	- Nghị quyết số: 01/NQ-HĐQT ngày 17/02/2025 - Quyết định số 109/QĐ-HĐQT ngày 17/02/2025 của Hội đồng quản trị về việc tạm thời thôi quản lý, điều hành Công ty CP Khoáng sản và luyện kim Cao Bằng – Vimico
2.	Đỗ Hữu Chiêm	Phó giám đốc	17/02/2025	25/07/2025	- Nghị quyết số: 01/NQ-HĐQT ngày 17/02/2025 - Quyết định số 110/QĐ-HĐQT ngày 17/02/2025 của Hội đồng quản trị về việc giao nhiệm vụ cán bộ.

Cơ cấu phòng ban, phân xưởng tổ chức hoạt động của công ty năm 2025, như sau:

- Phòng chuyên môn: 04 Phòng chuyên môn giúp việc
- + Phòng Tổ chức – Hành chính;
- + Phòng Kế hoạch – Kinh doanh;
- + Phòng Kỹ thuật – ATMT;
- + Phòng Tài chính – Kế toán;
- Phân xưởng sản xuất: 02 Phân xưởng sản xuất.
- + Phân xưởng khai tuyển;
- + Phân xưởng cơ điện - luyện kim;
- 01 xí nghiệp sản xuất: Xí nghiệp chè đẳng và thương mại.

3. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2025:

- Một số chỉ tiêu chính của BCTC:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Cuối kỳ 31/12/2024	Thời điểm 31/12/2025	Ghi chú
Tổng tài sản	120,308	145,85	
Nợ phải trả	22,094	45,705	
Vốn chủ sở hữu	92,784	95,457	
Doanh thu thuần	122,639	135,209	
Lợi nhuận sau thuế	5,638	8,595	
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	4,28	2,73	
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	3,64	2,46	
Hệ số Nợ/Tổng TS (lần)	0,18	0,31	
Hệ số Nợ/ VCSH (lần)	0,24	0,48	
Hệ số LNST/ DTT (%)	4,6	6,27	
Hệ số LNST/ VCSH (%)	6,08	9,00	
Hệ số LNST/ Tổng TS (%)	4,69	5,89	

Qua xem xét thẩm định Báo cáo tài chính từng năm, Ban kiểm soát có đánh giá như sau :

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2025 là 9,00% và bằng 148,03% so với cùng kỳ năm 2024 (6,08%);

- Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản (ROA) năm 2025 là 5,89% và bằng 125,59% so với cùng kỳ năm 2024 (4,69%).

b) Nhận xét đánh giá khác về tình hình tài chính năm 2025:

- Hệ số LNST/ DTT (ROS) = 6,27% chứng tỏ Công ty có lãi;

- Hệ số thanh toán nhanh là 2,46 lần > 1 thể hiện khả năng thanh toán trong ngắn hạn của Công ty tốt.

$$\text{- Hệ số bảo toàn vốn} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu cuối kỳ (95.457 trđ)}}{\text{Vốn chủ sở hữu đầu kỳ (92.784 trđ)}} = 1,03$$

Khả năng bảo toàn vốn của Công ty: Hệ số bảo toàn vốn >1 chứng tỏ Công ty là làm ăn có lãi và phát triển được nguồn vốn của Công ty.

$$\text{- Tỷ số tự tài trợ} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu (95.457 trđ)}}{\text{Tổng nguồn vốn (145.852 trđ)}} = 65,45\%$$

Khả năng tự chủ tài chính của Công ty: Đánh giá khả năng tự chủ tài chính của Công ty: Tỷ số tài trợ >30% phản ánh khả năng tự chủ về nguồn vốn tốt.

- Về kết cấu các khoản chi phí:

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Ghi chú
	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ lệ (%) / TDT	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ lệ (%) / TDT	
Giá vốn hàng bán	75.399,67	60,79	91.327,38	66,65	
Chi phí tài chính	12,13	0,01	267,53	0,20	
Chi phí quản lý	27.823,0	22,43	28.090,73	20,50	
Chi phí khác	6.523,43	5,26	706,39	0,52	
Tổng:	109.758,24	88,48	120.392,04	87,86	

Cơ cấu chi phí của Công ty năm 2025 có sự thay đổi theo hướng không tích cực hơn so với năm 2024. Giá vốn hàng bán vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu và đã tăng từ 60,79% lên 66,65%, cho thấy hiệu quả sản xuất kinh doanh đang khó khăn hơn.

Chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp có tăng về giá trị tuyệt đối do quy mô hoạt động và nhu cầu vốn lưu động tăng, tuy nhiên tỷ trọng vẫn ở mức hợp lý. Đáng chú ý, chi phí khác giảm mạnh từ 6.523,43 triệu đồng xuống còn 706,39 triệu đồng, góp phần làm giảm tổng tỷ lệ chi phí trên doanh thu.

Nhìn chung, cơ cấu chi phí năm 2025 được kiểm soát tốt, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và cải thiện khả năng sinh lời của công ty.

4. Công tác lao động tiền lương:

NỘI DUNG	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
Lao động đầu kỳ	người	179	191	
Lao động tăng trong kỳ	người	18	08	
Lao động giảm trong kỳ	người	06	10	
Lao động cuối kỳ	người	191	189	
Lao động BQ sử dụng	người	178	176	
Quỹ lương quyết toán	Tr.đồng	26.598	26.093	
Tiền lương bình quân	Tr.đồng	12,45	12,35	

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện rất tốt việc đảm bảo thu nhập và việc làm cho người lao động.

Thực hiện KHN, Công ty đã triển khai rà soát, xây dựng và ban hành phương án giao khoán đơn giá tiền lương cho từng công đoạn sản xuất gắn với các chỉ tiêu sản lượng, an toàn. Thực hiện các cơ chế khuyến khích hợp lý để tăng năng suất lao động. Tiền lương bình quân năm 2025 đạt 12,35/12,08 Tr.đồng/người/tháng, bằng 102% KHN. Thu nhập bình quân 13,1 Tr.đồng/người/tháng. Đảm bảo chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định: BHXH, BHYT, BHTN, tiền ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại.

III. Thẩm tra các vấn đề chính trong năm 2025:

1. Thực trạng tài chính, thực hiện các dự án đầu tư (bao gồm cả đầu tư ra ngoài doanh nghiệp), tình hình sử dụng lao động:

1.1. Thực trạng tài chính:

- Hệ số LNST/ DTT (ROS) = 6,27% chứng tỏ Công ty có lãi;
- Hệ số thanh toán nhanh là 2,46 lần > 1 thể hiện khả năng thanh toán trong ngắn hạn của Công ty tốt.

$$\text{- Hệ số bảo toàn vốn} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu cuối kỳ (95.457 trđ)}}{\text{Vốn chủ sở hữu đầu kỳ (92.784 trđ)}} = 1,03$$

Khả năng bảo toàn vốn của Công ty: Hệ số bảo toàn vốn >1 chứng tỏ Công ty là làm ăn có lãi và phát triển được nguồn vốn của Công ty.

$$\text{- Tỷ số tự tài trợ} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu (95.457 trđ)}}{\text{Tổng nguồn vốn (145.852 trđ)}} = 65,45\%$$

Khả năng tự chủ tài chính của Công ty: Đánh giá khả năng tự chủ tài chính của Công ty: Tỷ số tài trợ >30% phản ánh khả năng tự chủ về nguồn vốn tốt.

1.2. Thực hiện các dự án đầu tư:

Trong năm Công ty thực hiện đầu tư 02/02 dự án chính thức đạt 100% KHN và đang thực hiện chuẩn bị đầu tư (CBĐT) các dự án theo kế hoạch năm 2025. Tổng giá trị thực hiện đạt 11.417/14,224 tr.đồng. Cụ thể:

a. Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất:

- Đầu tư mua sắm máy xúc thủy lực gầu ngược, dung tích gầu $E \geq 1,4 \text{ m}^3$.
- Giá trị tổng mức đầu tư theo kế hoạch : 6.750 tr.đ.
- Tình hình thực hiện: Dự án được đầu tư xong và đưa vào hoạt động trong tháng 5/2025. Giá trị đầu tư thực hiện đạt 6.467/6.750 tr.đồng.

b. Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng năm 2025:

- Đầu tư mua sắm 03 xe ô tô vận tải, tải trọng $\geq 9,0$ tấn/xe.
- Giá trị tổng mức đầu tư theo kế hoạch : 6.000 tr.đ.
- Tình hình thực hiện: Dự án được đầu tư xong và đưa vào hoạt động trong tháng 4/2025. Giá trị đầu tư thực hiện đạt 4.950/6.000 tr.đồng.

c. Hiện tại số dư trên Tài khoản 2412 (Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang) là: 3.550.428.409 đồng bao gồm:

- Dự án “Khai thác quặng thiếc và các khoáng sản đi kèm tại mỏ thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng” giá trị: 2.246.547.166 đồng;

- Dự án khai thác tận thu quặng thiếc và các khoáng sản đi kèm trong đất đá thải khu vực bãi thải Thập Lục Phần, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (điều chỉnh) giá trị : 862.725.243 đồng ;

- Dự án khai thác quặng sắt và các khoáng sản đi kèm mỏ sắt Nà Lũng giá trị: 441.156.000 đồng.

2. Kết quả kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính:

2.1. Kết quả kiểm tra hoạt động quản lý, điều hành của công ty:

Ban Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, thể hiện trên các nội dung sau:

- Triển khai các cuộc họp và điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Ban Giám đốc.

- Trong năm 2025, Ban kiểm soát công ty không nhận được bất kỳ khiếu nại hoặc tố cáo nào của cổ đông có liên quan đến hoạt động của ban điều hành.

2.2. Kết quả kiểm tra công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính:

2.2.1. Về công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính:

Công tác hạch toán kế toán đúng theo quy định của Luật kế toán, đảm bảo kịp thời, chính xác theo quy định hướng dẫn của Pháp luật, Tập đoàn và của Tổng công ty.

2.2.1. Công tác thu hồi công nợ phải thu: Trong năm 2025, trước tình hình tài chính khó khăn nhưng công ty chưa nỗ lực triển khai công tác thu hồi công nợ tồn đọng tuy nhiên không triệt để. Đặc biệt có những khoản công nợ như:

STT	Tên khách hàng	Dư 31/12/2025		Đánh giá nợ	
		Nợ	Có	Tuổi nợ	Ngày đến hạn thanh toán
1	Chi nhánh Cty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng và CT Mỏ	236.692.150	-	Nợ quá hạn > 3 năm	Quá hạn
2	Công ty Cổ phần giao thông TNT	52.025.664	-	Nợ quá hạn > 3 năm	Quá hạn
3	Trạm quan trắc MT - Chi cục bảo vệ MT	40.000.000	-	Nợ quá hạn > 3 năm	Quá hạn
4	Chi nhánh xí nghiệp cơ khí 2	65.000.000	-	Nợ quá hạn > 3 năm	Quá hạn
5	Công ty CP tư vấn XD & thương mại Việt Mỹ	120.000.000	-	Nợ quá hạn > 3 năm	Quá hạn
6	Doanh nghiệp TM Đức Hiếu -Tiền bốc thải	264.281.795	-	Nợ quá hạn > 3 năm	Quá hạn
7	Trung tâm kỹ thuật tài nguyên, môi trường Cao Bằng	20.000.000	-	Nợ quá hạn > 3 năm	Quá hạn
8	Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng công nghiệp HPC	15.321.300	-	Nợ quá hạn > 3 năm	Quá hạn
	Tổng cộng:	813.320.909			

2.2.3. Công tác phải thu, phải trả khác và các khoản tạm ứng:

- Đến hết thời điểm 31/12/2025 công ty còn tạm ứng cho 19 đối tượng công nợ (cán bộ công nhân viên của công ty) số tiền: 701.687.385 đồng so với đầu năm là 21 đối tượng với số tiền là: 687.223.963 đồng.

- Đến hết thời điểm 31/12/2025 công ty còn các khoản công nợ phải trả khác (dư có TK3388) số tiền: 7.235.934.939 đồng. Trong đó, đặc biệt lưu ý có khoản cổ tức năm 2023 phải chi số tiền: 143.963.875 đồng; cổ tức năm 2024 phải chi số tiền: 207.391.975 đồng liên quan đến quyền lợi của các cổ đông công ty. Đề nghị công ty nhanh chóng rà soát thực hiện chi trả theo đúng quy định.

3. Việc bảo toàn và phát triển vốn tại doanh nghiệp:

- Nhìn chung, tình hình tài chính của công ty là tốt và lành mạnh thể hiện qua một số chỉ tiêu phân tích tài chính nhanh như sau:

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 0,48

+ Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn: 2,73

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2025 là: 8.595 triệu đồng.

+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu EPS năm 2025 là: 1.074,375 đồng;

- Hiện tại Công ty còn số dư Quỹ đầu tư phát triển: 6.082.792.474 đồng.

4. Tình hình nợ phải thu, nợ phải trả, vay và thuê tài chính:

- Các khoản phải thu ngắn hạn tại 31/12/2025 là: 56.966 triệu đồng.

Trong đó: Phải thu của khách hàng: 52.095 triệu đồng;

Trả trước cho người bán: 725 triệu đồng;

Phải thu khác: 4.959 triệu đồng;

Dự phòng phải thu khó đòi: - 813 triệu đồng.

- Nợ phải trả ngắn hạn: 41.707 triệu đồng.

Phải trả người bán ngắn hạn: 7.031 triệu đồng;

Người mua trả trước: 0 triệu đồng;

Thuế và các khoản phải nộp NN: 9.979 triệu đồng;

Phải trả người lao động: 8.054 triệu đồng;

Chi phí phải trả ngắn hạn: 30 triệu đồng;

Phải trả ngắn hạn khác: 7.425 triệu đồng;

Vay ngắn hạn: 2.668 triệu đồng;

Quỹ khen thưởng và phúc lợi: 6.519 triệu đồng.

- Nợ phải trả dài hạn: 3.998 triệu đồng

Vay và nợ thuê TC dài hạn: 3.998 triệu đồng;

Nợ dài hạn khác: 0 triệu đồng.

IV. Kiến nghị:

Các thành viên trong Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đã thể hiện được tính trung thực, khách quan trong công việc. Tuy nhiên, trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn thay đổi, kinh tế vĩ mô chưa ổn định thì công tác kiểm soát cũng không tránh khỏi những tồn tại mà Ban Kiểm soát cần phải quan tâm, nỗ lực và hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới.

1. Các cảnh báo của BKS như sau:

- Lưu ý việc thực hiện triệt để và đề xuất các biện pháp, kế hoạch triển khai thu hồi công nợ của 08 đơn vị đã tồn tại từ lâu với tổng giá trị cần thu hồi: 813.320.909 đồng;

- Lưu ý việc chi trả cổ tức năm 2023 và năm 2024 còn tồn đọng giá trị: 351.355.850 đồng cho các cổ đông nhằm đảm bảo quyền lợi, tránh rủi ro pháp lý, kiện tụng từ phía cổ đông hiện hữu.

- Lưu ý việc thực hiện Hợp đồng Hợp tác đầu tư kinh doanh số 588/2018/HĐHT/KSLKCB – CÂN HÀ về việc khai thác chế biến quặng sắt tại mỏ sắt Nà Lùng, Phường Duyệt Trung, tỉnh Cao Bằng với Công ty cổ phần Cân Hà. Tổng số nợ phải thu của đối tác là: 3.491.683.223 đồng (trên tài khoản 131) và Tiền dịch vụ nổ mìn: 1.477.672.805 đồng (trên tài khoản 1388). Trong khi đó các khoản phải trả cho đối tác là: Tiền đặt cọc dịch vụ nổ mìn: 2.000.000.000 đồng; Tiền góp vốn hợp đồng hợp tác đầu tư: 500.000.000 đồng; các khoản phải trả khác: 750.616.209 đồng. Như vậy, tổng nợ phải thu đối tác là: 1.718.739.819 đồng.

- Lưu ý cần triển khai làm việc với cơ quan ban ngành tỉnh Cao Bằng để ban hành các quy định tính thuế tài nguyên để tránh rủi ro với các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước:

- + Quy định về tỷ lệ quy đổi từ khối lượng sản phẩm sau tuyển rửa ra khối lượng khoáng sản nguyên khai đối với các khoáng sản đi kèm thu hồi trong khai thác tận thu quặng thiếc để làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường (sản phẩm khoáng sản đi kèm: quặng Vonfram, quặng Titan, Vàng sa khoáng...);

- + Quyết định về Quy định chi phí chế biến trừ lùi với sản phẩm Thiếc thời 99,75% để áp dụng tính thuế tài nguyên theo Khoản 3, Điều 5 và điểm b Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC.

2. Các đề nghị/kiến nghị Đơn vị:

- Tiếp tục rà soát, bổ sung quy chế, quy định nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, của Vimico và của TKV sau khi Luật 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025 của Quốc Hội về Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp có hiệu lực từ 01/08/2025 và Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính Phủ về quản lý đầu tư vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp.

- Tiếp tục làm việc với các Sở/Ban ngành địa phương để phê duyệt dự án đầu tư kịp thời cho sản xuất.

- Triển khai gửi công văn đề xuất làm việc với Sở/Ban ngành địa phương để làm việc về việc tính phí bảo vệ môi trường đối với các sản phẩm khoáng sản kèm theo và chi phí trừ lùi trong quá trình chế biến sản phẩm thiếc thời 99,75%.

- Tiếp tục kiểm soát cơ cấu chi phí, tiết kiệm, tránh gây lãng phí các khoản chi không phù hợp.

V. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2026:

Căn cứ vào tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát xin đề ra Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2026, như sau:

TT	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đối tượng kiểm tra, giám sát	Kết quả cần đạt được
I	Nhiệm vụ thường xuyên			
1	Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026	Tháng 04/2026		Chuẩn bị báo cáo để trình bày, công bố trước đại hội đồng cổ đông các vấn đề của công ty năm 2025
2	Tham dự và tham gia thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo định kỳ hoặc đột xuất (nếu có)	Thường xuyên	Hội đồng quản trị	Tham gia đóng góp ý kiến với các nội dung trong Tờ trình của Ban điều hành trình HĐQT
3	Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành	Thường xuyên	Ban điều hành	Rà soát văn bản pháp lý của công ty thông qua thư ký hội đồng quản trị
4	Kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê, xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính	Thường xuyên	Bộ phận kế toán, thống kê	Kiểm tra, rà soát trực tiếp tại đơn vị hoặc chứng từ, phần mềm kế toán
5	Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro của công ty	Thường xuyên	Bộ phận kế hoạch	Yêu cầu bộ phận kế hoạch đưa ra những cảnh báo rủi ro, cập nhật rủi ro 01 lần/tháng

TT	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đối tượng kiểm tra, giám sát	Kết quả cần đạt được
6	Thực hiện kiểm tra, giám sát hoặc thẩm định các yêu cầu của Hội đồng cổ đông, HĐQT khi có yêu cầu trong vòng bảy (07) ngày.	Thường xuyên	HĐQT, Ban điều hành và các phòng/ban liên quan	Đưa ra báo cáo các nội dung yêu cầu sau nhiều nhất mười lăm (15) ngày từ ngày kết thúc kiểm tra
7	Phân công nhiệm vụ thành viên Ban kiểm soát và kiểm tra, tổng hợp các ý kiến của các thành viên Ban kiểm soát khi thực hiện các nội dung được phân giao.	Thường xuyên	Ban kiểm soát	Phân công rõ ràng cụ thể, ghi chép, báo cáo những kiến nghị đề xuất của thành viên Ban kiểm soát tới Đại hội đồng cổ đông; HĐQT và Ban điều hành Công ty
II	Kiểm tra, giám sát theo chuyên đề			
1	Chuyên đề: “Thẩm định báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2025”	Giữa tháng 02/2026	Kiểm toán độc lập và bộ phận kế toán	Phối hợp với các thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm vụ đã phân công, tổng hợp ý kiến đưa ra Biên bản làm việc cụ thể với hình thức trực tiếp tại đơn vị
2	Chuyên đề: “Rà soát, thẩm định kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 trước khi trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026”	Giữa tháng 03/2026	Ban điều hành, bộ phận kế hoạch, kỹ thuật và kế toán	Phối hợp với các thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm vụ đã phân công, tổng hợp ý kiến kiến nghị với ban điều hành Công ty thông qua hình thức gián tiếp (tài liệu gửi online)
3	Chuyên đề: “Rà soát, thẩm định kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2026 so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và công tác thực hiện	Cuối tháng 06/2026	Ban điều hành, bộ phận kế hoạch, kỹ thuật cơ điện và kế	Phối hợp với các thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm vụ đã phân công, tổng hợp ý kiến kiến nghị với ban điều hành

TT	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đối tượng kiểm tra, giám sát	Kết quả cần đạt được
	đầu tư xây dựng cơ bản từ 01/07/2025 đến 01/07/2026”		toán	Công ty với hình thức trực tiếp tại đơn vị
4	Chuyên đề: “Giám sát đánh giá công tác tính giá thành theo công đoạn, định ngạch sửa chữa thiết bị, công tác mua sắm vật tư, thiết bị và tình hình thực hiện các Hợp đồng kinh tế liên quan trong 06 tháng đầu năm 2026”	Cuối tháng 07/2026	Ban điều hành, bộ phận kế hoạch, kỹ thuật cơ điện và kế toán	Chấn chỉnh các vấn đề còn tồn tại (nếu có), khuyến nghị với HĐQT nếu có ý kiến trái chiều với hình thức trực tiếp
5	Chuyên đề: “Rà soát, thẩm định kết quả sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2026 so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt”	Đầu tháng 08/2026	Ban điều hành, bộ phận kế hoạch, kỹ thuật cơ điện và kế toán	Đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty và đưa ra các khuyến cáo phù hợp với tình hình của công ty tại thời điểm rà soát
6	Chuyên đề: “Rà soát, kiểm tra công tác tiền lương, chế độ đãi ngộ với người lao động và các văn bản pháp lý điều hành nội bộ của công ty”	Trung tuần tháng 10/2026	Ban điều hành, bộ phận Tổ chức hành chính, lao động tiền lương	Chấn chỉnh các vấn đề còn tồn tại (nếu có), khuyến nghị với Ban điều hành nếu có ý kiến trái chiều
7	Chuyên đề: “Rà soát, thẩm định kết quả sản xuất kinh doanh năm 2026 so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt”	Cuối tháng 11/2026	Ban điều hành, các phòng/ban liên quan	Đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty và đưa ra các khuyến cáo phù hợp với tình hình của công ty tại thời điểm rà soát
III	Các công việc khác			
1	Phối hợp, đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026	Sau đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026	Ban điều hành, Bộ phận Tài chính – kế toán	Lựa chọn công ty kiểm toán phù hợp với danh sách các đơn vị kiểm toán cho cổ đông lớn Tổng công ty

TT	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đối tượng kiểm tra, giám sát	Kết quả cần đạt được
				khoáng sản - TKV
2	Tham gia đánh giá, rà soát các vấn đề khi có các đoàn kiểm tra của TKV, VIMICO và Ban ngành địa phương, cơ quan quản lý Nhà nước	Đợt xuất	Ban điều hành	Đánh giá, giảm thiểu tối đa rủi ro về các khoản phạt vi phạm hành chính

Trên đây là toàn bộ nội dung BKS báo cáo các quý cổ đông kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. Kính mong Quý vị đóng góp ý kiến để BKS làm tốt chức năng, nhiệm vụ cổ đông giao. BKS xin trân trọng cảm ơn ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Giám đốc, các phòng chức năng, phân xưởng trực thuộc và cán bộ CNV Công ty đã ủng hộ và hợp tác để tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT Cty (e-copy);
- Ban lãnh đạo Cty(e-copy);
- Người đại diện phần vốn của VIMICO (e-copy);
- Người đại diện của Quý cổ đông tham gia kiểm soát tại đơn vị (e-copy);
- Lưu VT, BKS Cty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



Lê Thanh Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

Số: 273 /TTr -KSLK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12/5/2006; được sửa đổi bổ sung năm 2021;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua BCTC năm 2025 của Công ty đã kiểm toán, Báo cáo tài chính gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2025 sau kiểm toán được Công ty đăng tại địa chỉ website: <http://cmamc.com.vn>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lý Xuân Tuyên

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày tháng năm 2026

**CÔNG KHAI MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH
NĂM 2025**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	Năm 2024	Chênh lệch
1	2	3	3	5=3-4
A- Tình hình tài chính				
I- Tài sản ngắn hạn	100	113.945	94.519	19.426
1- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	13.902	8.776	5.126
2- Các khoản phải thu ngắn hạn	130	56.966	24.625	32.341
3- Hàng tồn kho	140	11.440	14.032	-2.592
4- Tài sản ngắn hạn khác	150	2.636	4	2.632
II- Tài sản dài hạn	200	31.907	25.788	6.119
1- Các khoản phải thu dài hạn	210	4.032	3.405	627
2- Tài sản cố định	220	22.356	16.204	6.152
- Nguyên giá	222+225+228	209.909	197.609	12.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	223+226+229	(187.733)	(181.405)	-6.238
3- Tài sản dở dang dài hạn	240	3.550	3.109	441
4- Đầu tư tài chính dài hạn	250 - BCĐKT			
5- Tài sản dài hạn khác	260	1.968	3.069	-1.101
III- Nợ phải trả	300	45.705	22.094	23.611
1- Nợ ngắn hạn	310	41.707	22.089	19.618
- Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	7.031	4.602	2.429
- Người mua trả tiền trước	312			
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9.979	9.814	165
- Phải trả người lao động	314	8.054	3.182	4.872
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315	30	30	0
- Phải trả ngắn hạn khác	319	7.425	1.411	6.014

012
JNG
PH
ANG
IYEN
AOB
BANG

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	Năm 2024	Chênh lệch
1	2	3	3	5=3-4
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	6.520	3.048	3.472
2- Nợ dài hạn	330	3.998	5	3.993
- Phải trả dài hạn khác	337		5	-5
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	3.998		3.998
IV- Vốn chủ sở hữu	400	100.146	98.213	1.933
1- Vốn góp của chủ sở hữu	411	80.000	80.000	0
Trong đó: Vốn góp của nhà nước		41.508	41.508	0
2- Quỹ đầu tư phát triển	418	6.082	6.082	0
3- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	780	780	0
4 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	8.595	5.921	2.674
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		283	-283
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	8.595	5.637	2.958
5- Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	4.689	5.429	-740
B/ Kết quả kinh doanh				
1- Tổng doanh thu	01+21+31	137.022	124.043	12.979
Trong đó: Doanh thu bán hàng		135.209	122.638	12.571
Doanh thu hoạt động tài chính		1.190	1.364	174
Thu nhập khác		623	39	584
2- Tổng lãi (+), lỗ (-) .	50	13.523	11.946	1.577
3- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	60	8.595	5.637	2.958
4- Tổng phải nộp ngân sách		25.267	22.041	3.226
C/ Các chỉ tiêu đánh giá khác .				
1- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu.		0,063	0,046	
2- Lợi nhuận ST/Vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	0,10	0,07	
3- Tổng nợ phải trả/Vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	0,57	0,27	
4- Khả năng thanh toán (Tổng TS/ NPT)	lần	3,19	5,44	

232-
 TY
 AN
 SAN V
 KIM
 ANG
 T.CAO

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	Năm 2024	Chênh lệch
1	2	3	3	5=3-4
5 - Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn(TSNH/NNH)	lần	2,73	4,27	
6 - Khả năng thanh toán nhanh(TSNH-HTK)/NNH	lần	2,46	3,64	
7 - Tài sản ngắn hạn / tổng tài sản	%	78,1	78,6	
8 - Tài sản dài hạn / tổng tài sản	%	21,87	21,43	

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Châu

Cung Lê Hoàng

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Chương



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 277/TTr-BKS

Cao Bằng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2006, được sửa đổi bổ sung năm 2021.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Ban kiểm soát làm đầu mối phối hợp với Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 theo quy định.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: TCKT, HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Thanh Tùng

Số: 275/TTr-KSLK

Cao Bằng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2006, được sửa đổi bổ sung năm 2021;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO, ngày 26 tháng 3 năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty trình ĐHCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 với các nội dung cụ thể như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2025
1	Lợi nhuận trước thuế năm nay	Đồng	13.523.489.633
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Đồng	4.928.823.407
3	Lợi nhuận sau thuế năm nay (3=1-2)	Đồng	8.594.666.226
4	Lợi nhuận sau thuế năm trước	Đồng	
-	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	Đồng	
5	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (5=3+4)	Đồng	8.594.666.226
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức năm nay (%)	%	7
7	Lợi nhuận sau thuế chi trả cổ tức năm nay	Đồng	5.600.000.000
8	Lợi nhuận trích lập các quỹ (8=5-7)	Đồng	2.994.666.226
8.1	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	
8.2	Quỹ thưởng Viên chức quản lý	Đồng	137.500.000
8.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	2.857.166.226
9	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (9=5-7-8)	Đồng	0

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: HĐQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Ly Xuân Tuyền



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 276/TT-Tr-KSLK

Cao Bằng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2006, được sửa đổi bổ sung năm 2021.

1. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025

Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 03/6/2016 của Chính phủ và Thông tư 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số: 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt nam, về việc ban hành hướng dẫn cơ chế trả lương và mức tiền lương theo vị trí việc làm áp dụng trong TKV;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/5/2025 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 về mức thù lao đối với các thành viên HĐQT và BKS công ty.

Công ty thực hiện chi trả thù lao như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương cơ bản Tr.đ/ng/th	Tiền thù lao (20% mức lương tháng) đ/ng/tháng	Số tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	24,0	4.800.000	12	57.600.000
2	Thành viên HĐQT	4	20,0	4.000.000	12	192.000.000
3	Trưởng BKS	1	21,0	4.200.000	12	50.400.000
4	Thành viên BKS	2	20,0	4.000.000	12	96.000.000
	Cộng	8				396.000.000

(Bằng chữ: Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng chẵn)

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026

Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 03/6/2016 của Chính phủ và Thông tư 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số: 1471/QĐ-TKV ngày 14/8/2024 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt nam, về việc ban hành hướng dẫn cơ chế trả lương và mức tiền lương theo vị trí việc làm áp dụng trong TKV.

Công ty dự kiến kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026 như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương cơ bản Tr.đ/ng/th	Tiền thù lao đ/ng/tháng	Số tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	24,0	4.800.000	12	57.600.000
2	Thành viên HĐQT	4	20,0	4.000.000	12	192.000.000
3	Trưởng BKS	1	21,0	4.200.000	12	50.400.000
4	Thành viên BKS	2	20,0	4.000.000	12	96.000.000
	Cộng	8				396.000.000

(Bảng chữ: Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng chẵn)

Mức thù lao trên chỉ là dự kiến, mức thực tế chi trả cho HĐQT và Ban kiểm soát sẽ được xác định dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: TCKT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lý Xuân Tuyên

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương cơ bản Tr.đ/ng/th	Tiền thù lao đ/ng/tháng	Số tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	24,0	4.800.000	12	57.600.000
2	Thành viên HĐQT	4	20,0	4.000.000	12	192.000.000
3	Trưởng BKS	1	21,0	4.200.000	12	50.400.000
4	Thành viên BKS	2	20,0	4.000.000	12	96.000.000
	Cộng	8				396.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG**

Số: 277/TTTr -KSLK

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Quyết định 36/2025/QĐ-TTg về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12/5/2006; được sửa đổi bổ sung năm 2021.

Nhằm bảo đảm tính phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét một số nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung danh mục ngành, nghề kinh doanh

Thực hiện quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, Công ty đã tiến hành rà soát toàn bộ danh mục ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký; đối chiếu mã ngành và nội dung ngành nghề theo Hệ thống ngành kinh tế mới của Việt Nam.

Trên cơ sở kết quả rà soát, Công ty thực hiện điều chỉnh, cập nhật mã ngành và nội dung các ngành, nghề kinh doanh trong Điều lệ Công ty theo quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg nhằm bảo đảm tính thống nhất với hệ thống ngành kinh tế hiện hành và thuận lợi trong quá trình đăng ký, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Danh mục ngành, nghề kinh doanh trong Điều lệ Công ty theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg.

2. Bãi bỏ khoản 6 Điều 26 của Điều lệ Công ty

Qua rà soát Điều lệ hiện hành của Công ty, tại Khoản 6, Điều 26 quy định:

“Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực”.

Tuy nhiên, nội dung quy định nêu trên không phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, cụ thể:

Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về thành viên Hội đồng quản trị. Theo đó việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Do vậy, để bảo đảm tính phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thống nhất bãi bỏ Khoản 6, Điều 26 của Điều lệ Công ty theo nội dung nêu trên.

Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty kèm theo Tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHCĐ xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lý Xuân Tuyên

Số: 278 /TTr-KSLK

Cao Bằng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Quyết định 36/2025/QĐ-TTg về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12/5/2006; được sửa đổi bổ sung năm 2021.

Sau khi rà soát các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng nhận thấy một số ngành, nghề kinh doanh đã có sự thay đổi về nội dung và mã ngành theo quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Để đảm bảo tính pháp lý và phù hợp với quy định hiện hành trong quá trình tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua Danh mục các ngành, nghề kinh doanh của Công ty sau khi sửa đổi, cập nhật theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg. Chi tiết tại Phụ lục kèm theo, gồm:

- Phụ lục 1: Kết quả rà soát ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ;

- Phụ lục 2: Danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty sau khi điều chỉnh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên (B/c);
- Lưu: TCHC, HĐQT.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lý Xuân Tuyền

Phụ lục 1:
KẾT QUẢ RÀ SOÁT NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 36/2025/QĐ-TTg
(Kèm theo Tờ trình số 278 /TTr-KSLK ngày 31 tháng 3 năm 2026)

I. Danh mục ngành nghề kinh doanh giữ nguyên như ngành nghề kinh doanh hiện hành của Công ty: 34 ngành nghề.

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty			Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
TT	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác quặng kim loại quý hiếm Chi tiết: Khai thác chế biến quặng thiếc, vàng, bạc, đá quý, vonfram, ti tan	0730	Khai thác quặng kim loại quý hiếm Chi tiết: Khai thác chế biến quặng thiếc, vàng, bạc, đá quý, vonfram, ti tan	0730
2	Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét	0810	Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét	0810
3	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
4	Khai thác quặng sắt	0710	Khai thác quặng sắt	0710
5	Lắp đặt hệ thống điện	4321	Lắp đặt hệ thống điện	4321
6	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát các công trình đầu tư xây dựng ngành khai khoáng, luyện kim, ngành công nghiệp và dân dụng.	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát các công trình đầu tư xây dựng ngành khai khoáng, luyện kim, ngành công nghiệp và dân dụng.	7110
7	Sản xuất chè Chi tiết: Sản xuất chè đẳng, chè dây và chiết xuất tinh chất chè đẳng, chè dây.	1076	Sản xuất chè Chi tiết: Sản xuất chè đẳng, chè dây và chiết xuất tinh chất chè đẳng, chè dây.	1076
8	Xây dựng nhà để ở	4101	Xây dựng nhà để ở	4101
9	Xây dựng nhà không để ở	4012	Xây dựng nhà không để ở	4012
10	Xây dựng công trình đường bộ	4212	Xây dựng công trình đường bộ	4212
11	Xây dựng công trình điện	4221	Xây dựng công trình điện	4221
12	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty			Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
TT	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
13	Xây dựng công trình công ích khác	4229	Xây dựng công trình công ích khác	4229
14	Xây dựng công trình thủy	4291	Xây dựng công trình thủy	4291
15	Xây dựng công trình khai khoáng	4292	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
16	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
19	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
20	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
21	Sản xuất sắt, thép, gang	2410	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
22	Chuẩn bị mặt bằng	4312	Chuẩn bị mặt bằng	4312
23	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
24	Thoát và xử lý nước thải	3700	Thoát và xử lý nước thải	3700
25	Trồng cây chè Chi tiết: Trồng cây chè đắng, chè dây	0127	Trồng cây chè Chi tiết: Trồng cây chè đắng, chè dây	0127
26	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
27	Trồng cây lâu năm khác	0129	Trồng cây lâu năm khác	0129
28	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống loại có chứa cồn và không cồn	4633	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống loại có chứa cồn và không cồn	4633
29	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
30	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
31	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
32	Bán buôn tổng hợp	4690	Bán buôn tổng hợp	4690
33	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty			Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
TT	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
34	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299

II. Danh mục ngành nghề kinh doanh có sự thay đổi tên ngành (không thay đổi mã ngành): 03 ngành nghề.

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty			Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
TT	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất máy luyện kim	2823	Sản xuất máy móc, thiết bị cho ngành luyện kim	2823
2	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
3	Sửa chữa thiết bị điện	3314	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314

III. Danh mục ngành nghề kinh doanh có sự thay đổi mã ngành (không thay đổi tên ngành): 04 ngành nghề.

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty			Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
TT	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
1	Truyền tải và phân phối điện	3512	Truyền tải và phân phối điện	3513
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1105

IV. Danh mục ngành nghề kinh doanh có sự thay đổi cả tên ngành, mã ngành: 01 ngành nghề.

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty			Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg	
TT	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất điện	3511	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	3512

IV. Danh mục ngành nghề kinh doanh bị xóa bỏ: 01 ngành nghề

Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty		Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg		
TT	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa biết phân vào đâu	7409		

V. Bổ sung ngành nghề kinh doanh: 01 ngành nghề

Ngành nghề kinh doanh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg		
TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

Phụ lục 2:
NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA
CÔNG TY SAU KHI ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Tờ trình số 278 /TTr-KSLK ngày 31 tháng 3 năm 2026)

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Khai thác quặng kim loại quý hiếm Chi tiết: Khai thác chế biến quặng thiếc, vàng, bạc, đá quý, vonfram, ti tan	0730
2	Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét	0810
3	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
4	Khai thác quặng sắt	0710
5	Lắp đặt hệ thống điện	4321
6	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát các công trình đầu tư xây dựng ngành khai khoáng, luyện kim, ngành công nghiệp và dân dụng.	7110
7	Sản xuất chè Chi tiết: Sản xuất chè đẳng, chè dây và chiết xuất tinh chất chè đẳng, chè dây.	1076
8	Xây dựng nhà để ở	4101
9	Xây dựng nhà không để ở	4012
10	Xây dựng công trình đường bộ	4212
11	Xây dựng công trình điện	4221
12	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
13	Xây dựng công trình công ích khác	4229
14	Xây dựng công trình thủy	4291
15	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
16	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
19	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
20	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
21	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
22	Chuẩn bị mặt bằng	4312
23	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
24	Thoát và xử lý nước thải	3700
25	Trồng cây chè Chi tiết: Trồng cây chè đẳng, chè dây	0127

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
26	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
27	Trồng cây lâu năm khác	0129
28	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống loại có chứa cồn và không cồn	4633
29	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
30	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
31	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
32	Bán buôn tổng hợp	4690
33	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
34	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
35	Sản xuất máy móc, thiết bị cho ngành luyện kim	2823
36	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
37	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
38	Truyền tải và phân phối điện	3513
39	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1105
40	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	3512
41	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 279 /TTr-KSLK

Cao Bằng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại mô hình Xí nghiệp Chè đắng và
Thương mại - Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2006, được sửa đổi bổ sung năm 2021;

Căn cứ công văn số 3258/TKV-TCNS ngày 05/6/2025 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Công văn số 1445/VIMICO-TCLĐ ngày 09/6/2025 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV về việc định hướng rà soát mô hình tổ chức, định biên lao động mô hình mẫu.

Căn cứ kế hoạch SXKD của Công ty giai đoạn 2025-2030 và điều kiện thực tế sản xuất tại các đơn vị trực thuộc, Công ty xây dựng Phương án chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp Chè đắng và Thương mại, thành lập tổ sản xuất Chè đắng, nước lọc Pác Bó đảm bảo mục tiêu tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành góp phần tăng hiệu quả SXKD, cải thiện thu nhập cho người lao động (Có Phương án gửi kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt Phương án và giao Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty triển khai theo quy định hiện hành.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lý Xuân Tuyên

Số: /PA-KSLK

Cao Bằng, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CỦA XÍ NGHIỆP CHÈ ĐẰNG VÀ THƯƠNG MẠI
VÀ THÀNH LẬP TỔ SẢN XUẤT CHÈ ĐẰNG, NƯỚC LỘC PÁC BÓ
(Ban hành kèm theo tờ trình số 279 /TTr-KSLK của HĐQT Công ty)

Tuân thủ chủ trương của Chính phủ; chỉ đạo, hướng dẫn của của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng xây dựng Phương án sắp xếp lại mô hình tổ chức phù hợp với các quy định hiện hành, nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển của Công ty; đảm bảo đủ nguồn lực lao động cho sản xuất, tối ưu hóa chi phí và nâng cao hiệu suất làm việc; bên cạnh đó, tăng cường tính hiệu quả trong điều hành quản lý, từng bước cải thiện tình hình tài chính và kinh doanh, nâng cao mức tiền lương, thu nhập cho người lao động; đồng thời cũng chính là chiến lược để thực hiện nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2025-2030.

Để đảm bảo nguyên tắc “*tinh gọn bộ máy, tinh giản lao động, tối ưu hoá nguồn lực*” Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng triển khai rà soát và xây dựng Phương án chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp Chè đặng và Thương mại, thành lập Tổ sản xuất Chè đặng, nước lộc Pác Bó, cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam trong đó yêu cầu quản lý sử dụng lao động hiệu quả, cải cách cơ chế tiền lương;
2. Quyết định số 1552/QĐ-TKV ngày 26/8/2024 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc thông qua Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP đến năm 2025;
3. Quyết định số 850/QĐ-VIMICO ngày 30/8/2024 của Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP đến năm 2025;
4. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.
5. Phương án rà soát, sắp xếp tổ chức định biên lao động tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng (số: 405/PA-KSLK ngày 15 tháng 6 năm 2025).

II. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Mục tiêu

- Chuyển đổi Xí nghiệp Chè đắng và Thương mại từ mô hình Xí nghiệp hạch toán phụ thuộc sang đơn vị trực thuộc trong mô hình tổ chức một cấp.
- Tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả điều hành.
- Giảm tối đa số lượng và nâng cao chất lượng lao động; đưa tỷ lệ lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ về mức hợp lý, phù hợp với điều kiện SXKD của Công ty.
- Tăng năng suất lao động, góp phần tăng hiệu quả SXKD, cải thiện tiền lương thu nhập cho người lao động.

2. Nguyên tắc thực hiện

- Việc sắp xếp lại mô hình xí nghiệp phải phù hợp với công tác tái cơ cấu, điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty, quy trình công nghệ hiện có, giảm đầu mối trung gian, đồng thời phù hợp với quy định của pháp luật, TKV, VIMICO và Công ty.
- Ổn định hoạt động SXKD: ưu tiên giữ vững sự liên tục và ổn định, tránh gián đoạn cho các hoạt động SXKD trong quá trình thực hiện.
- Tinh gọn, hiệu quả và rút ngắn quy trình: Xây dựng bộ máy khoa học, tinh giản, hoạt động có hiệu quả, giảm bớt cấp trung gian để nâng cao hiệu quả SXKD và quản trị doanh nghiệp.
- Đảm bảo quyền lợi NLĐ: Thực hiện đầy đủ, hợp lý và công khai các chế độ, chính sách đối với NLĐ trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy.

II. HIỆN TRẠNG MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA XÍ NGHIỆP CHÈ ĐẮNG VÀ THƯƠNG MẠI

1. Thông tin chung

- Tên Xí nghiệp: Xí nghiệp Chè đắng và Thương mại.
- Trụ sở chính: Phố Kim Đồng, Phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng.
- Quyết định thành lập số: 1005/QĐ-HĐQT ngày 07/6/2012.
- Hình thức pháp lý: Xí nghiệp Chè đắng và Thương mại trực thuộc Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng, là đơn vị hạch toán phụ thuộc, có tư cách pháp nhân không đầy đủ, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Ngân hàng để giao dịch theo phân cấp quản lý của Công ty.

2. Ngành nghề kinh doanh chính

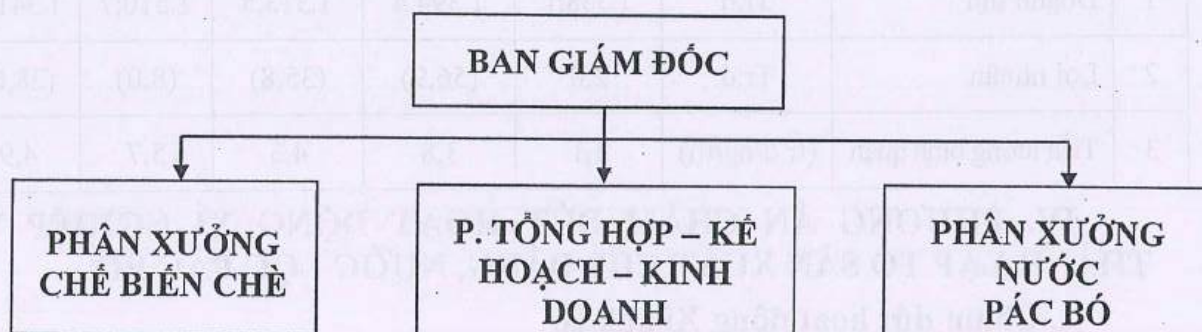
Xí nghiệp thực hiện theo giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty được Sở Tài Chính tỉnh Cao Bằng cấp (thay đổi lần 8 ngày 11/4/2025), trong đó bao gồm:

- Trồng, chế biến, tiêu thụ chè đắng, chè dây và một số đặc sản khác.
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước chè đắng, chè dây và các loại nước giải khát khác.
- Chiết suất tinh chất chè đắng, chè dây và các loại thảo dược.

- Sản xuất, kinh doanh rượu, bia.

3. Cơ cấu tổ chức bộ máy, lao động

3.1. Cơ cấu tổ chức:



3.2. Cơ cấu nguồn nhân lực:

TT	Cơ cấu nguồn nhân lực	Số lượng (người)
I	Phân loại theo đơn vị	07
1	Ban giám đốc	01
2	Phòng Tổng hợp – Kế hoạch – Kinh doanh	01
3	Phân xưởng Chế biến chè	03
4	Phân xưởng nước Pác Bó	02
II	Phân loại theo trình độ lao động	07
1	Lao động trình độ đại học	02
2	Lao động trình độ cao đẳng, trung cấp	05
3	Công nhân, lao động phổ thông	
III	Phân loại theo cơ cấu lao động	07
1	Lao động quản lý, nghiệp vụ	02
2	Lao động trực tiếp	05
IV	Phân loại theo giới tính	07
1	Lao động nam	03
2	Lao động nữ	04

232-C
T.Y
AN
SẢN V
KIM
ANG
T.CAO

III. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA XÍ NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Doanh thu	Tr.đ	1.338,1	1.394.4	1.313,5	1.510,7	1.341,5
2	Lợi nhuận	Tr.đ	2,0	(56,9)	(35,8)	(8,0)	(28,6)
3	Tiền lương bình quân	(tr.đ/ng/th)	3,1	3,8	4,3	5,7	4,9

IV. PHƯƠNG ÁN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG XÍ NGHIỆP VÀ THÀNH LẬP TỔ SẢN XUẤT CHÈ ĐẮNG, NƯỚC LỘC PÁC BÓ

1. Chấm dứt hoạt động Xí nghiệp

1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Xây dựng Phương án chấm dứt hoạt động Xí nghiệp Chè đắng và Thương mại và thành lập tổ sản xuất Chè đắng, nước lọc Pác Bó trình ĐHĐCĐ phê duyệt, thông qua.

- Bước 2: Hội đồng quản trị Công ty ban hành Nghị quyết/Quyết định chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp.

- Bước 3: Thông báo chấm dứt hoạt động: Công ty gửi hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động Xí nghiệp đến Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng trong vòng 10 ngày kể từ ngày có Quyết định chính thức.

- Bước 4: Hoàn tất thủ tục liên quan: Xí nghiệp phối hợp với các phòng liên quan của Công ty thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động với cơ quan thuế, ngân hàng...Đồng thời tiến hành thanh toán các khoản nợ, thanh lý hợp đồng và bàn giao hồ sơ, tài liệu về Công ty.

- Bước 5: Thông báo cho các bên liên quan: Xí nghiệp phối hợp cùng Công ty thông báo đến khách hàng, chủ nợ, người lao động và các bên có quyền và lợi ích liên quan khác về việc chấm dứt hoạt động.

1.2. Phương án xử lý các vấn đề có liên quan

- Về Tài chính - Kế toán: Xóa bỏ bộ máy kế toán riêng tại xí nghiệp. Mọi hoạt động thu chi, quyết toán, quản lý dòng tiền và hóa đơn sẽ do Phòng Tài chính Kế toán Công ty thực hiện tập trung.

- Về tài sản và công nợ: Nộp số tiền còn lại tại quỹ về tài khoản Công ty; tất toán và đóng các tài khoản ngân hàng riêng của xí nghiệp. Mọi giao dịch với nhà cung cấp, khách hàng, lương của người lao động đều thực hiện qua tài khoản của Công ty.

+ Công nợ tạm ứng, phải thu, phải trả nội bộ cần thanh quyết toán chi tiết và chuyển về tài khoản Công ty quản lý.

- Tài sản: Bàn giao nguyên trạng, thực hiện kiểm kê tổng thể tài sản cố định, nguyên vật liệu, hàng hoá thành phẩm tồn kho chuyển toàn bộ sổ dư kho và giá trị còn lại của tài sản cố định từ mã xí nghiệp sang mã Công ty quản lý.

- Bàn giao hồ sơ: bàn giao nguyên trạng toàn bộ chứng từ sổ sách, tài sản, vật tư, tiền vốn, công nợ, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Xí nghiệp sang Công ty.

2. Thành lập Tổ sản xuất Chè đắng, nước lọc Pác Bó

- Tên gọi: Tổ sản xuất Chè đắng, nước lọc Pác Bó.

- Trực thuộc: Phòng Kế hoạch kinh doanh.

- Chức năng, nhiệm vụ: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm theo GPKD đã được cấp.

- Về số lượng nhân lực: 07 người, bao gồm toàn bộ nhân sự của Xí nghiệp Chè đắng và Thương mại sau khi chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp được Công ty điều chuyển về Phòng KHKD để bố trí phù hợp với điều kiện sản xuất.

- Số lượng nhân sự cụ thể giữ các chức vụ khi điều chuyển về phòng thực hiện theo Quy chế quản lý cán bộ của Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 260/QĐ-HĐQT ngày 04/4/2023 và định biên lao động trong Công ty được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Lộ trình thực hiện

- Sau khi phương án được ĐHĐCĐ phê duyệt thông qua, giao HĐQT và Ban điều hành Công ty triển khai trình tự theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Đối với lao động: Thực hiện bố trí, sắp xếp lao động quản lý, các khối lao động công nghệ, phục vụ - phụ trợ theo quy định của Tập đoàn TKV, Tổng Công ty Khoáng sản và của Công ty.

4. Đề xuất kiến nghị

- Kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét phê duyệt Phương án sắp xếp lại mô hình tổ chức Xí nghiệp Chè đắng và Thương mại của Công ty.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lý Xuân Tuyên

Cao Bằng, ngày 13 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua thay đổi nhân sự đại diện tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2016, đã được sửa đổi, bổ sung tháng 06 năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 366/QĐ-VIMICO ngày 06/4/2026 của Tổng công ty Khoáng sản – TKV về việc thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn và Người đại diện của Tổng công ty tham gia Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng, theo đó:

1. Ông Lý Xuân Tuyên – Phó tổng giám đốc VIMICO thôi làm Người đại diện của VIMICO, thôi tham gia Hội đồng quản trị và từ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

2. Ông Trần Văn Chương – Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng thôi làm Người đại diện của VIMICO, thôi tham gia Hội đồng quản trị và từ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

3. Cử ông Đặng Xuân Tuyên – Phó tổng giám đốc VIMICO, Người đại diện quản lý phần vốn của VIMICO tại Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng tham gia Hội đồng quản trị và giới thiệu ứng cử chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

4. Cử ông Đỗ Hữu Chiêm – Phó giám đốc Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng làm người đại diện của VIMICO tham gia Hội đồng quản trị và giới thiệu ứng cử chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.


Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 về việc thông qua thay đổi nhân sự đại diện tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027 cụ thể như sau:

- Đồng ý ông Lý Xuân Tuyên thôi tham gia Hội đồng quản trị và từ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.



- Đồng ý ông Trần Văn Chương thôi tham gia Hội đồng quản trị và từ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

- Bổ nhiệm ông Đặng Xuân Tuyên giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 xem xét, thông qua. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: TCHC, Thư ký.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ly Xuân Tuyên



Số: 366 /QĐ-VIMICO

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn và
Người đại diện của Tổng công ty tham gia Hội đồng quản trị
Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN-TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ sáu được ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-VIMICO ngày 03/5/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 116-NQ/ĐU, ngày 06/4/2026 của Đảng ủy Tổng công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 815/NQ-VIMICO ngày 03/4/2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty Khoáng sản - TKV (VIMICO) tại Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng như sau:

1. Ông Lý Xuân Tuyên - Phó tổng giám đốc VIMICO thôi làm Người đại diện quản lý phần vốn của VIMICO tại Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

2. Cử ông Đặng Xuân Tuyên - Phó tổng giám đốc VIMICO làm Người đại diện quản lý phần vốn của VIMICO tại Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Việc thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn của VIMICO tại Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng có hiệu lực kể từ ngày Tổng công ty ký ban hành Quyết định này.

Điều 2. Thay đổi Người đại diện của VIMICO tham gia Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng nhiệm kỳ 2022-2027 như sau:

1. Ông Lý Xuân Tuyên - Phó tổng giám đốc VIMICO thôi làm Người đại diện của VIMICO, thôi tham gia Hội đồng quản trị và từ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

2. Ông Trần Văn Chương - Giám đốc Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng thôi làm Người đại diện của VIMICO, thôi tham gia Hội đồng quản trị và từ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

3. Cử ông Đặng Xuân Tuyên - Phó tổng giám đốc VIMICO, Người đại diện quản lý phần vốn của VIMICO tại Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng tham gia Hội đồng quản trị và giới thiệu ứng cử chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

4. Cử ông Đỗ Hữu Chiêm - Phó giám đốc Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng làm người đại diện của VIMICO tham gia Hội đồng quản trị và giới thiệu ứng cử chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Người đại diện quản lý phần vốn và các nhân sự của VIMICO tham gia Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng có trách nhiệm triển khai thủ tục kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị Công ty như nội dung nêu trên theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Thời gian thực hiện: Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Điều 3. Tổng giám đốc, Người đại diện quản lý phần vốn, Người đại diện của Tổng công ty tại Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng và các cán bộ có tên tại Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Sm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐU, HĐQT, BKS Tcty;
- Ban GD Tcty;
- Phòng KP, TCKT;
- Cty CP KS&LK CB (p/h);
- Lưu VP, TCLĐ, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
TỔNG CÔNG TY
KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO
Nguyễn Văn Hải





**QUY CHẾ
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG NHIỆM KỲ 2022 - 2027**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12/05/2006 và được sửa đổi bổ sung năm 2021.

Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng (sau đây gọi tắt là “**Đại hội**”) tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2022-2027 theo các nội dung sau đây:

Điều 1. Mục tiêu

1. Đảm bảo tuân thủ luật pháp, Điều lệ Công ty và các thông lệ tại Việt Nam;
2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của cổ đông;
3. Đảm bảo tính tập trung, ổn định của phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

1. Việc ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) tại Đại hội của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng (sau đây gọi tắt là “**Công ty/KSLK**”) được thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần của Công ty hoặc những người được cổ đông ủy quyền (hợp lệ) tham dự Đại hội theo quy định của Công ty.

Điều 3. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu tại Đại hội này là 02 (hai) thành viên và được bầu cử theo quy định tại Quy chế này. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bầu tại Đại hội này là số năm còn lại của nhiệm kỳ HĐQT 2022 – 2027. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT: Thành viên được đề cử hoặc tự ứng cử vào Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

c) Thành viên HĐQT không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

d) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên các Đơn đề cử/văn bản đề cử, ứng cử của cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Ban Tổ chức Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu vào thành viên HĐQT.

Điều 5. Hình thức và phương thức bầu cử

1. Hình thức bầu cử: Việc bầu cử thành viên HĐQT của Công ty sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội.

2. Phương thức bầu cử: Bầu cử theo phương thức dồn phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm cả số cổ phần sở hữu, và/hoặc được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên được bầu của HĐQT. Cụ thể theo công thức sau:

2.1. Bầu thành viên HĐQT:

$$\boxed{\text{Tổng số quyền biểu quyết}} = \boxed{\text{Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết}} \times \boxed{\text{Số thành viên được bầu của HĐQT}}$$

2.2. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên được bầu.

2.3. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó theo quy định tại Khoản 2 Điều này (Bảng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

Điều 6. Tổ chức và giám sát bầu cử, kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu

a) Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban Kiểm phiếu thay mặt cho Đại hội thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này;

b) Ban Kiểm phiếu có 05 thành viên, gồm 01 trưởng ban và các thành viên do chủ tọa giới thiệu và Đại hội bầu bằng hình thức biểu quyết thông qua tại Đại hội. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị; Ban Kiểm phiếu có quyền lập một bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

2. Ban Kiểm phiếu phải bảo đảm tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin về việc kiểm phiếu và bầu cử.

3. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a) Kiểm tra danh sách các ứng viên HĐQT;
- b) Phổ biến quy chế bầu cử và hướng dẫn cách thức bầu cử theo quy chế bầu cử đã được thông qua cho cổ đông;
- c) Phân phát và thu phiếu bầu cử;
- d) Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
- đ) Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông;
- e) Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Thư ký Đại hội;
- g) Cùng Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội quyết định;
- h) Và các nhiệm vụ liên quan khác;

4. Ban Kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội về việc tuân thủ Quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Điều 7. Phiếu bầu cử và ghi phiếu bầu cử

1. Phiếu bầu cử

a) Phiếu bầu cử do Ban tổ chức ĐHĐCĐ phát hành, được in thống nhất, có dấu treo của Công ty, đánh số thứ tự; tổng số cổ phần sở hữu/đại diện ủy quyền, tổng số quyền biểu quyết;

b) Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát 01 phiếu bầu Hội đồng quản trị (màu hồng) theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);

c) Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, cổ đông phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu cử khác.

2. Cách ghi phiếu bầu cử

a) Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

b) Nếu không bầu cho ứng cử viên, cổ đông /đại diện ủy quyền của cổ đông điền số “0” hoặc gạch chéo vào cột “Số phiếu bầu”.

c) Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đó (= số cổ phần x số thành viên được bầu).

3. Phiếu bầu cử hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu);

c) Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.

4. Phiếu bầu cử không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Phiếu không do Ban Tổ chức Đại hội phát hành và/hoặc không có dấu của Công ty;

b) Phiếu gạch xóa, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);

c) Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

d) Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho tất cả các ứng viên.

5. Các trường hợp phiếu bầu cử được Ban kiểm phiếu xem xét (i) Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho các ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (bao gồm quyền sở hữu và được ủy quyền); (ii) Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông.

Những trường hợp này sẽ được Ban kiểm phiếu lập biên bản đính chính ngay tại đại hội và đề nghị cổ đông đính chính lại việc biểu quyết cho các ứng cử viên theo tỷ lệ bầu cử ban đầu đã đánh dấu để phù hợp với số phiếu được bầu của cổ đông đó hoặc bổ sung chữ ký và ghi rõ họ tên theo quy định.

Điều 8. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi được Chủ tọa hoặc Trưởng Ban Kiểm phiếu tuyên bố và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

2. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

3. Các cổ đông chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban Kiểm phiếu giám sát;

4. Việc kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc; trước khi mở thùng phiếu, Ban Kiểm phiếu phải thống kê ngay tại Đại hội, lập biên bản và niêm phong số phiếu không sử dụng. Ban Kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

Điều 9. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

1. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên mà Đại hội đã biểu quyết.

2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn.

Điều 11. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu bầu cử

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu bầu cử.

2. Biên bản kiểm phiếu bầu cử phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu bầu cử;
- b) Thành phần Ban Kiểm phiếu;
- c) Mục đích, nội dung bỏ phiếu bầu cử;
- d) Tổng số cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền bầu cử tại Đại hội; tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia bầu cử;
- đ) Kết quả bầu cử;
- e) Chữ ký của Thành viên Ban Kiểm phiếu.

3. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội.

Điều 12. Quyền chất vấn

Các cổ đông/đại diện cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Chủ tọa Đại hội, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ các chất vấn của cổ đông và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Điều 13. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 của Công ty./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Lý Xuân Tuyên